

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 42/2009/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP, ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP, ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP, ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC, ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP, ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức giá đất trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố năm 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 484/TTr- STNMT, ngày 31 tháng 12 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 47/2008/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản – Bộ Tư pháp;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk; Đài PT-TH tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo VP, TT TT công báo tỉnh,
- Các phòng: NN-MT, TC-TM, TH, CN;
- LưuVT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lữ Ngọc Cư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

VỀ GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42 /2009/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

PHẠM VI ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Giá đất tại Quy định này được sử dụng làm căn cứ:

a) Tính thuế sử dụng đất, thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34, Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003.

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003.

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003.

đ) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật.

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003.

g) Tính tiền bồi thường và xử phạt vi phạm hành chính đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá khởi điểm quyền sử dụng đất không được thấp hơn mức giá đất theo quy định này.

3. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chương II

GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH

Điều 2. Giá đất ở, đất phi nông nghiệp và đất khác

I/ Bảng giá đất ở và quy định cách tính giá đất ở (kèm theo 15 bảng giá đất ở trên địa bàn các huyện, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột)

Bảng 1: Giá đất ở trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Bảng 2: Giá đất ở trên địa bàn huyện Buôn Đôn.

Bảng 3: Giá đất ở trên địa bàn huyện Cư M'gar.

Bảng 4: Giá đất ở trên địa bàn huyện Ea H'Leo.

Bảng 5: Giá đất ở trên địa bàn huyện Ea Kar.

Bảng 6: Giá đất ở trên địa bàn huyện Ea Súp.

Bảng 7: Giá đất ở trên địa bàn huyện Krông Bông.

Bảng 8: Giá đất ở trên địa bàn thị xã Buôn Hồ.

Bảng 9: Giá đất ở trên địa bàn huyện Krông Búk

Bảng 10: Giá đất ở trên địa bàn huyện Krông Ana.

Bảng 11: Giá đất ở trên địa bàn huyện Krông Năng.

Bảng 12: Giá đất ở trên địa bàn huyện Krông Păk.

Bảng 13: Giá đất ở trên địa bàn huyện Lắk.

Bảng 14: Giá đất ở trên địa bàn huyện M'Đrăk.

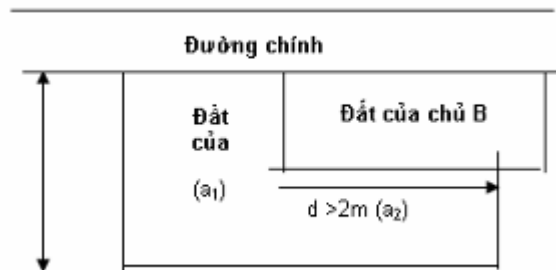
Bảng 15: Giá đất ở trên địa bàn huyện Cư Kuin.

1. Giá đất ở mặt tiền mỗi đường phố, đường trục chính trong phạm vi tính từ lộ giới vào sâu đến 20m, mức giá đất cụ thể như Bảng giá đất ở ban hành kèm theo

Quyết định này; từ mét thứ 21 đến mét thứ 50 tính bằng 70%, từ mét thứ 51 trở đi tính bằng 50% so với giá đất ở vị trí mặt tiền cùng thửa đất (kể cả đất ở vị trí hẻm).

2. Đối với những thửa đất tại vị trí ở các giao lộ với nhiều đường có mức giá đất khác nhau thì xác định giá theo đường có mức giá cao nhất; đối với những thửa đất tiếp giáp với nhiều mặt đường khác nhau thì được xác định theo đường có mức giá cao nhất.

3. Đối với những thửa đất mặt tiền đường có một phần đất nằm khuất sau thửa đất mặt tiền của chủ sử dụng khác thì phần diện tích bị che khuất này được tính bằng 70% mức giá đất mặt tiền của thửa đất đó (được áp dụng đối với phần có diện tích đất bị che khuất bởi mặt tiền và có chiều rộng bị che khuất lớn hơn 2m).



Giới hạn mặt tiền từ lộ giới vào sâu đến 20m, A là phần đất của chủ A có một phần đất bị che khuất bởi thửa đất của chủ B.

Ghi chú:

d: Chiều rộng của phần đất bị che khuất phải lớn hơn 2m.

a1: Phần diện tích đất không bị che khuất được tính theo giá đất mặt tiền đường chính.

a2: Phần diện tích đất bị che khuất bởi phần đất mặt tiền của chủ khác.

4. Giá các lô đất nằm trong hẻm của đường phố thuộc đô thị:

4.1. Giá đất được xác định tùy thuộc vào chiều rộng hẻm, vị trí của hẻm và tính bằng hệ số so với giá đất mặt tiền đường có hẻm (trừ những hẻm đã có giá cụ thể). Hẻm được chia làm các loại sau:

a) Loại hẻm:

- Hẻm loại 1: Có chiều rộng từ 5m trở lên.
- Hẻm loại 2: Có chiều rộng từ 3m đến dưới 5m.
- Hẻm loại 3: Có chiều rộng từ 2m đến dưới 3m.
- Hẻm loại 4: Có chiều rộng dưới 2m.

b) Cấp hẻm:

- Hẻm cấp 1: Là thửa đất có vị trí ở mặt tiền của hẻm chính.
- Hẻm cấp 2: Là thửa đất có vị trí hẻm của hẻm chính.
- Hẻm cấp 3: Là thửa đất có vị trí hẻm của hẻm cấp 2.

4.2. Bảng hệ số của hẻm so với mặt tiền đường có hẻm như sau:

a) Đối với hẻm của các con đường có mức giá đến nhỏ hơn 10.000.000 đồng/m², hệ số để xác định giá đất như sau:

Loại hẻm \ Cấp hẻm	Hẻm loại 1	Hẻm loại 2	Hẻm loại 3	Hẻm loại 4
Hẻm cấp 1	0,40	0,30	0,25	0,20
Hẻm cấp 2	0,25	0,20	0,15	0,10
Hẻm cấp 3	0,15	0,12	0,10	0,06

b) Đối với hẻm của các con đường có mức giá từ 10.000.000 đồng/m² đến dưới 20.000.000 đồng/m², hệ số để xác định giá đất như sau:

Loại hẻm \ Cấp hẻm	Hẻm loại 1	Hẻm loại 2	Hẻm loại 3	Hẻm loại 4
Hẻm cấp 1	0,30	0,25	0,20	0,16
Hẻm cấp 2	0,16	0,14	0,12	0,10
Hẻm cấp 3	0,12	0,10	0,07	0,05

c) Đối với hẻm của các con đường có mức giá từ 20.000.000 đồng/m² trở lên, hệ số để xác định giá đất như sau:

Loại hẻm \ Cấp hẻm	Hẻm loại 1	Hẻm loại 2	Hẻm loại 3	Hẻm loại 4
Hẻm cấp 1	0,25	0,19	0,16	0,12
Hẻm cấp 2	0,12	0,10	0,08	0,06
Hẻm cấp 3	0,10	0,08	0,06	0,04

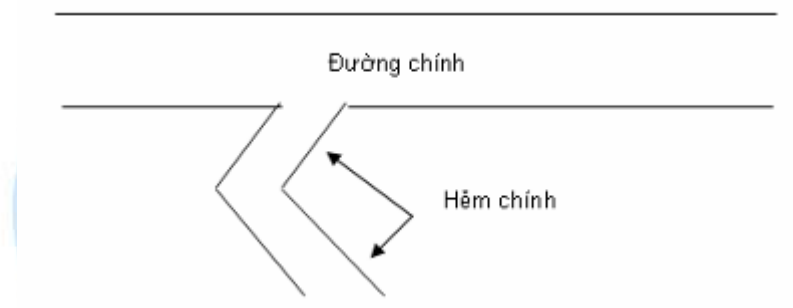
4.3. Trường hợp đường phố, đường giao thông là đường nhựa, bê tông có hẻm là đường đất thì mức giá của hẻm đường đất được tính bằng 0,8 lần mức giá tại điểm 4.2.

4.4. Đối với các hẻm được tính theo hệ số quy định tại điểm 4.2 có vị trí từ lộ giới vào sâu đến 50m, từ sau 50m đến 150m được nhân với hệ số 0,7; từ sau 150m đến 300m được nhân với hệ số 0,5; từ sau 300m trở đi được nhân với hệ số 0,4 so với mức giá đoạn hẻm sâu vào đến 50m (đối với thửa đất nằm giữa ranh giới hai đoạn hẻm có mức giá khác nhau thì được tính theo đoạn hẻm có mức giá cao hơn).

4.5. Giá đất ở của các hẻm tính theo quy định tại điểm 4.2, 4.3 và 4.4; Nếu thấp hơn giá đất ở của khu dân cư còn lại thì được tính bằng giá đất ở của khu dân cư còn lại nơi thửa đất tọa lạc.

4.6. Trường hợp một hẻm thông với nhiều đường phố thì giá thửa đất được tính theo biển số nhà mang tên của đường phố đó; Nếu không xác định được thửa đất đó mang tên đường hẻm nào thì tính theo đường vào gần nhất.

4.7. Trong trường hợp hẻm chính (hẻm cấp 1, 2, 3) đổi hướng nhưng không phân nhánh thì không được coi là hẻm phụ.



4.8. Đối với các thửa đất ở vị trí hẻm nhưng có độ dốc lớn hơn 250 so với mặt đường chính thì giá đất được tính bằng 0,5 lần so với giá đất ở các hẻm cùng loại bình thường khác.

5. Giá của các thửa đất ở góc đường (kể cả thửa đất không có đường giao nhau) được nhân với hệ số điều chỉnh (lần) như sau:

Đường giao	Từ 20 m trở lên	Dưới 20m
Thửa đất ở trên đường		
Từ 20m trở lên	1,20	1,15
Dưới 20m	1,15	1,10

Trường hợp các con đường đã có Quyết định quy định chỉ giới đường đỏ nhưng chưa thực hiện giải toả, xây dựng theo chỉ giới đường đỏ đó thì được tính theo đường hiện trạng. Nếu các con đường chưa có Quyết định quy định chỉ giới đường đỏ thì được tính theo đường hiện trạng.

6. Đối với các trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, cho thuê đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hoá lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định công bố vào ngày 01 tháng 01 năm 2010 dùng để áp giá cho những loại đất thực hiện các chính sách trên tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường và các phương pháp xác định giá đất quy định tại Thông tư số 145/2007/TT-BTC, ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính để xây dựng lại mức giá đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Mức giá đất cụ thể quy định trong trường hợp này không bị giới hạn bởi khung giá đất do Chính phủ quy định tại khoản 5, Điều 1, Nghị định số 123/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;

Việc quy định mức giá đất này chỉ áp dụng cá biệt trong phạm vi từng dự án, phục vụ cho các mục đích sau: Để tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất; tính tiền bồi thường thiệt hại về đất khi Nhà nước thu hồi đất; tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản khi tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước lựa chọn hình thức giao đất.

7. Đối với một số trường hợp cụ thể như: Đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất hoặc thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước (trừ trường hợp bán nhà ở cho người đang thuê theo Nghị định 61/CP, ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ), căn cứ vào mức giá đã được quy định giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định lại mức giá đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nhưng mức giá đất xác định lại không thấp hơn mức giá đất theo quy định này.

8. Giao đất tái định cư được quy định như sau:

a) Trường hợp người sử dụng đất bị thu hồi đất đủ điều kiện để được bồi thường về đất ở, khi áp giá đền bù theo mức giá quy định tại Quyết định này thì được giao đất tái định cư theo mức giá đất quy định tại Quyết định này. Trường hợp khi áp giá bồi thường phải xác định lại giá đất thì khi giao đất tái định cư phải xác định lại giá đất.

b) Trường hợp người sử dụng đất bị thu hồi đất không đủ điều kiện để được bồi thường về đất ở nhưng có nhu cầu bố trí tái định cư mà giá đất công bố vào ngày 01 tháng 01 năm 2010 chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định lại giá đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

II. Giá đất phi nông nghiệp:

1. Giá đất phi nông nghiệp, đất phi nông nghiệp khác tại đô thị và nông thôn ngoài đất ở và đất nghĩa trang, nghĩa địa: Tính bằng 70% so với giá đất ở tại vị trí liền kề hoặc trong khu vực thửa đất đó tọa lạc được quy định trong bảng giá các loại đất được ban hành kèm theo Quyết định này và không điều chỉnh (hệ số K) cho phần diện tích đất sâu từ mét thứ 21 trở đi so với lộ giới.

2. Đối với đất nghĩa trang, nghĩa địa: Giá đất được xác định bằng giá đất nông nghiệp cùng hạng đất liền kề, trường hợp liền kề nhiều hạng đất thì tính theo giá đất hạng cao nhất.

III. Giá đất nông nghiệp:

1. Giá đất lâm nghiệp:

STT	Loại đất	Mức giá (đồng/m ²)
01	Đất đỏ bazan	4.000
02	Đất đen, đất nâu, đất nâu thẫm, đỏ vàng	3.200
03	Đất xám	2.800
04	Đất xói mòn trơ sỏi đá	1.200
05	Đất khác (bao gồm các loại đất còn lại)	2.500

- Đối với đất lâm nghiệp nằm trong các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, các phường thuộc thị xã, thị trấn các huyện được tính bằng 1,5 lần mức giá trên tương ứng với từng vị trí đất.

2. Giá đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở):

a) Giá đất sản xuất nông nghiệp có mức giá theo bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Hạng đất	Mức giá
-----	----------	---------

1	Hạng 1	16.000
2	Hạng 2	14.000
3	Hạng 3	12.000
4	Hạng 4	10.000
5	Hạng 5	8.000
6	Hạng 6	6.000

b) Đối với đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở) tại các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột giá được tính bằng 2,5 lần so với mức giá đất sản xuất nông nghiệp cùng hạng;

c) Đối với đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở) tại các phường thuộc thị xã Buôn Hồ, thị trấn các huyện và các xã thuộc thành phố Buôn Ma Thuột được tính bằng 2 lần so với mức giá đất sản xuất nông nghiệp cùng hạng;

d) Đối với đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở) nằm xen kẽ trong khu dân cư nông thôn hoặc liền kề khu dân cư nông thôn thuộc các xã ở các huyện, thị xã được tính bằng 1,5 lần so với giá đất sản xuất nông nghiệp cùng hạng.

Hạng đất nông nghiệp dùng để xác định giá đất áp dụng theo hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp ở địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

3. Giá đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí đất	Đất thuận lợi	Đất không thuận lợi
Các phường, thị trấn	6.000	5.000
Các xã	5.000	4.000

- Đất thuận lợi là đất có nước ngọt thường xuyên đổi lưu, đất không thuận lợi là đất không có nước ngọt thường xuyên đổi lưu.

- Đối với đất ao, hồ nằm xen kẽ trong khu dân cư tại đô thị và nông thôn nhưng không được công nhận là đất ở thì giá đất được tính bằng 1,5 lần so với mức giá đất sản xuất nông nghiệp hạng cao nhất.

IV. Giá cho thuê đất tại các khu, cụm công nghiệp:

1. Giá cho thuê đất tại Khu công nghiệp Hoà Phú, thành phố Buôn Ma Thuột: 60 đồng/m²/năm.

2. Giá cho thuê đất tại Cụm công nghiệp thành phố Buôn Ma Thuột: 70 đồng/m²/năm.

3. Giá cho thuê đất tại Cụm công nghiệp Ea Đa, huyện Ea Kar; Cụm công nghiệp Buôn Hồ, huyện Krông Búk: 45 đồng/m²/năm.

4. Giá cho thuê đất tại Cụm công nghiệp Trường Thành, huyện Ea H'Leo là: 35 đồng/m²/năm.

Mức giá đất cho thuê trên chưa bao gồm chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng.

Điều 3. Giá đất phi nông nghiệp khác là đất có các công trình thờ tự, nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hoá nghệ thuật và các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh mà các công trình đó không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động; đất tại đô thị sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất, xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng cơ sở ươm tạo cây giống, con giống, xây dựng kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp (quy định tại tiết e, mục 5, Điều 6, Nghị định 181/2004/NĐ-CP) và đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng; đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa. Căn cứ mức giá cụ thể đã quy định đối với giá các loại đất liền kề để xác định mức giá cho các loại đất nêu trên như sau:

1. Trường hợp các loại đất trên chỉ liền kề đất ở thì căn cứ giá đất ở hoặc chỉ liền kề đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thì căn cứ giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; nếu không có những loại đất liền kề nêu trên thì căn cứ vào giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ở khu vực gần nhất để định giá.

2. Trường hợp các loại đất trên liền kề với nhiều loại đất khác nhau thì căn cứ vào giá của loại đất có mức giá cao nhất.

3. Mức giá cụ thể quy định cho từng vị trí đất của các loại đất nêu trên tối đa không cao hơn mức giá cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh đã quy định cho vị trí tương tự của đất ở, hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề.

Điều 4. Nhóm đất chưa sử dụng

Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng bao gồm: đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng; căn cứ vào giá các loại đất liền kề để xác định giá cho nhóm đất chưa sử dụng.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các Sở, ngành, UBND cấp huyện phản ánh kịp thời cho UBND tỉnh để giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lữ Ngọc Cư

BẢNG 7: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 42/2009/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
I	Thị trấn Krông Kmar			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hoà Sơn	Đầu đất vườn Ông Nguyễn Ngọc Sơn (CA)	800,000
		Đầu đất vườn Ông Nguyễn Ngọc Sơn (CA)	Hết vườn Ông Nguyễn Văn Anh (BS)	1,200,000
		Hết vườn Ông Nguyễn Văn Anh (BS)	Giáp ranh đất Công an huyện	1,400,000
		Giáp ranh đất Công an huyện	Nút ngã 5 vào khu du lịch Krông Kmar	1,500,000

		Nút ngã 5 vào khu du lịch Krông Kmar	Hết Trung tâm Giáo dục thường xuyên	1,700,000
		Hết Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Hết cây xăng Nam Tây nguyên	2,000,000
		Hết cây xăng Nam Tây nguyên	Hết vườn Ông Nguyễn Đức Ty	1,800,000
		Hết vườn Ông Nguyễn Đức Ty	Giáp cầu sắt	700,000
2	Tỉnh lộ 9	Trung tâm ngã 4 thị trấn Krông Kmar	Đầu đất vườn Ông Đậu Quang Long	1,200,000
		Đầu đất vườn Ông Đậu Quang Long	Mương thủy lợi Bệnh viện huyện	1,000,000
		Mương thủy lợi Bệnh viện huyện	Hết Nghĩa trang liệt sỹ huyện	600,000
		Hết Nghĩa trang liệt sỹ huyện	Giáp ranh xã Khuê Ngọc Điền	400,000
3	Đường GT nội thị			
		Cuối Trạm Thú y huyện	Hết đất vườn Bà Đình Trần Bích Nga	350,000
		Hết đất vườn Bà Đình Trần Bích Nga	Giáp ranh Trạm Viễn thông	300,000
		Cuối đất vườn Nhà Ông Y Khiêm Byă	Hết đất vườn nhà Ông Phan Tấn Dũng	100,000
		Ngã 4 nhà Ông Giáo	Giáp ngã 3 đất Ông Huỳnh Trung Thông	100,000
		Ngã 3 đất nhà Ông Cao Văn Ninh	Hết Vườn nhà Ông Kpá Song	150,000
		Đầu vườn nhà Ông Ai (Công an)	Hết đất vườn nhà Ông Chiển (Công an)	600,000
		Hết đất vườn nhà Ông Chiển (Công an)	Hết đất vườn nhà Ông Điền	400,000
		Hết đất vườn nhà Ông Điền	Ngã 3 vào Buôn Ja	300,000
		Cuối đất vườn nhà Ông Tâm (Giáo viên)	Ngã 3 vườn nhà Ông Hà Học Hoài	250,000
		Ngã 3 vườn nhà Ông Hà Học Hoài	Ngã 3 nhà Ông Lương Văn Phụ	200,000
		Đầu đất vườn nhà Ông Nguyễn Tài	Hết đất vườn nhà Ông Liêm (Nương)	200,000
		Đầu ranh đất Đội quản lý Đô thị huyện	Ngã 3 nhà Bà Hà Thị Thu Sương	600,000
		Ngã 3 nhà Bà Hà Thị Thu Sương	Hết đất vườn nhà Ông Quang (Huyện uỷ)	500,000
		Đầu đất vườn nhà Ông Thanh	Giáp đất vườn nhà Ông Hà Học Hoài	150,000
		Đầu đất vườn nhà bà Đỗ Thị Sô	Đầu đất trường tiểu học Lê Hồng Phong	500,000
		Đầu đất trường tiểu học Lê Hồng Phong	Hết đất vườn nhà Ông Đỗ Thế Hùng	300,000

	Đầu vườn nhà Ông Trần Trọng Mai (Tr.hình)	Giáp vườn nhà Ông Nguyễn Văn Thơ	400,000
	Giáp vườn nhà Ông Ama H' Loan	Hết vườn nhà Ông Đặng Ngọc Yến	300,000
	Hết vườn nhà Ông Đặng Ngọc Yến	Hết đất vườn nhà Ông Mai Hoàng	150,000
	Hết đất vườn nhà Ông Mai Hoàng	Giáp đất vườn Bà Hồ Thị Hường	300,000
	Đầu đất vườn Bà Hồ Thị Hường	Giáp trường Nguyễn Viết Xuân	300,000
	Đầu vườn nhà Ông Nguyễn Công Định (T.tra)	Hết đất vườn Ông Văn Phú Hồng	600,000
	Đầu vườn nhà Ông Phạm Ngọc Thọ	Giáp cổng Xi phông	450,000
	Từ cổng Xi phông	Giáp ngã 3 Buôn Ja	350,000
	Từ ngã 3 Buôn Ja	Giáp khu vực du lịch Krông Kmar	250,000
	Hết vườn nhà Ông Nguyễn Công Định (T.tra)	Hết vườn nhà Ông Phấn (Nội vụ)	500,000
	Cuối vườn nhà Ông Nguyễn Ái Dân	Giáp vườn nhà Ông Phạm Ngọc Thọ	300,000
	Đầu đất vườn nhà Ông Minh	Giáp ngã 3 nhà Ông Khát Duy Bình	400,000
	Ngã 3 nhà Ông Khát Duy Bình	Giáp ngã 3 nhà Bà Phạm Thị Nghĩa	250,000
	Cuối đất vườn nhà Bà Nguyễn Thị Hương	Hết đất vườn nhà Ông Tiễn (sửa đồng hồ)	400,000
	Đầu đất vườn nhà Bà Nha (Hộ sinh)	Hết đất vườn nhà Ông Võ Văn Phương	300,000
	Đầu đất vườn nhà Ông Ngô Xuân	Giáp đất vườn nhà Ông Phạm Bình	150,000
	Cuối đất vườn nhà Ông Lê Phụng Hiệp	Hết đất vườn nhà Ông Hồ Nguyên	150,000
	Ngã 3 nhà Bà Phạm Thị Nghĩa	Ngã 3 nhà Ông Bức	150,000
	Đầu đất vườn nhà Ông Mai Văn Dinh	Giáp đất vườn nhà Ông Khát Duy Bình	800,000
	Ngã 3 nhà Ông Phan Nhàn	Giáp đất HTX II (cũ)	700,000
	Đầu đất vườn nhà Bà Quá	Giáp đất vườn nhà Ông Lương Văn Khánh	200,000
	Cuối đất vườn Ông Nguyễn Văn Phương	Ngã 4 nhà Ông Nguyễn Văn Phong	300,000
	Đầu vườn nhà Ông Nguyễn Văn Phong	Hết đất vườn nhà Ông Dương Văn Truyền	200,000
	Cuối đất vườn nhà Ông Trần Phước Long	Hết đất vườn nhà Ông Trương Hữu Phước	150,000
	Đầu đất vườn nhà Bà Đặng Thị Hường	Hết đất vườn nhà Ông Lê Tri	150,000

		Đầu đất vườn nhà Ông Trương Quang Sang	Ngã 3 đất Ông Võ Tấn Trung	300,000
		Ngã 3 đất Ông Võ Tấn Trung	Ngã 4 nhà Ông Nguyễn Bức	200,000
		Ngã 3 nhà làm việc Tổ dân phố 7	Hết vườn nhà Ông Hoàng Xuân Liêu	200,000
		Giáp ranh xã Hoà Sơn	Giáp mặt sau Nghĩa trang liệt sĩ huyện	100,000
4	Khu dân cư còn lại			80,000
5	Đất khu vực chợ huyện			
	Khu 1			1,200,000
	Khu 2			900,000
	Khu 3			700,000
	Khu 4			700,000
	Khu 5			800,000
	Khu 6			900,000
	Khu đất chợ còn lại			600,000
II	Xã Khuê Ngọc Điền			
1	Tỉnh lộ 9	Ranh giới thị trấn Krông Kmar	Ngã 4 thôn 5	350,000
		Ngã 4 thôn 5	Trụ điện số 82	450,000
		Trụ điện số 82	Ngã 3 Ông Cảnh (Thôn 2)	350,000
		Ngã 3 Ông Cảnh (Thôn 2)	Hết Trạm nguyên liệu thuốc lá Nam	300,000
		Trạm nguyên liệu thuốc lá Nam	Cầu chữ V, hết ranh xã K.N. Điền	350,000
2	Tỉnh lộ 12	Đầu phía Đông Cầu sắt (Khuê Ngọc Điền)	Hết lò gạch Ông Nguyễn Sĩ (Thôn 9)	400,000
		Hết lò gạch Ông Nguyễn Sĩ (Thôn 9)	Giáp ranh xã Hoà Lễ	250,000
3	Đường GTNT	Ngã 3 đường vào thôn 3	Hết vườn nhà Bà Nguyễn Thị Nhứt (T.4)	300,000
		Hết vườn nhà Bà Nguyễn Thị Nhứt (T.4)	Hết vườn nhà Ông Huỳnh Thái Hạnh (T.3)	250,000
		Hết vườn nhà Ông Huỳnh Thái Hạnh (T.3)	Hết khu dân cư thôn 3	180,000
		Cuối vườn Ông Trương Đình Lợi (Thôn 5)	Giáp mương nước qua đường	150,000
		Cuối vườn Bà Nguyễn Thị Học (Thôn 5)	Ngã 3 lên thôn 4	150,000
		Cuối vườn Ông Nguyễn Mộc (Thôn 5)	Mương nước qua đường	150,000
		Cuối vườn Ông Nguyễn Vui (Thôn 4)	Ngã 3 nhà Ông Nguyễn Văn Cường (T.4)	150,000

		Cuối vườn nhà Ông Thành (Thôn 4)	Giáp nương thủy lợi	100,000
		Cuối vườn nhà Ông Cảnh (Thôn 2)	Giáp cầu Ba Lan	150,000
		Hết vườn Ông Nguyễn Đình Nghĩa (Thôn 1)	Hết khu dân cư	100,000
		Hết vườn Ông Nguyễn Loan (Thôn 1)	Hết vườn nhà Ông Trần Văn Châu (Thôn 1)	100,000
		Cuối vườn nhà Bà Vu (Thôn 2)	Hết vườn nhà Ông Lê Hùng Phi	100,000
		Hết vườn nhà Ông Nguyễn Tú (Thôn 9)	Ngã 3 xuống lò gạch Ông Xuân	100,000
		Đầu vườn Ông Hồ Thảo (Lái xe Lâm trường)	Hết Trường học mẫu giáo (Thôn 6)	100,000
		Đầu vườn Ông Nguyễn Đình Cảnh (Thôn 8)	Ngã 3 nhà Ông Hoàng (Thôn 8)	150,000
4	Khu dân cư còn lại			50,000
III	Xã Hoà Lễ			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Khuê Ngọc Điền	Đầu vườn Ông Nguyễn Văn Thông (T.2)	200,000
		Đầu vườn Ông Nguyễn Văn Thông (T.2)	Hết vườn Ông Đoàn Vĩnh Phú (Thôn 2)	250,000
		Hết vườn Ông Đoàn Vĩnh Phú (Thôn 2)	Hết vườn Ông Võ Nhựt (Thôn 3)	150,000
		Hết vườn Ông Võ Nhựt (Thôn 3)	Đầu vườn Ông Hà Như Thịnh (Thôn 7)	100,000
		Đầu vườn Ông Hà Như Thịnh (Thôn 7)	Đầu ranh Trụ sở UBND xã (Thôn 7)	200,000
		Đầu ranh Trụ sở UBND xã (Thôn 7)	Hết vườn Ông Vũ Xuân Trợ (Thôn 8)	350,000
		Hết vườn Ông Vũ Xuân Trợ (Thôn 8)	Cầu Thôn 9	200,000
		Cầu Thôn 9	Giáp Ranh xã Hoà Phong	100,000
2	Đường GT NT	Đầu vườn nhà Ông Nguyễn Muộn (T.10)	Hết trục đường Đông Lễ	100,000
		Cuối vườn nhà Bà Hậu	Cuối đất vườn Ông Đặng Ngọc Sơn	120,000
		Đầu vườn Ông Đặng Ngọc Sơn (Thôn 7)	Hết Chợ xã Hoà Lễ	80,000
		Đầu vườn nhà Ông Huỳnh Lại (Thôn 2)	Hết vườn Bà Trần Thị Nguyên (Thôn 2)	80,000
3	Khu dân cư còn lại			50,000
IV	Xã Hoà Phong			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hòa Lễ	Cổng chào thôn 4	100,000
		Cổng chào thôn 4	Đầu ranh trường TH cơ sở Hòa Phong	350,000

		Đầu ranh trường TH cơ sở Hòa Phong	Hết đất vườn nhà Ông Lê Yên	200,000
		Hết đất vườn nhà Ông Lê Yên	Hết vườn nhà Ông Phạm Văn Năm	80,000
		Hết vườn nhà Ông Phạm Văn Năm	Đầu vườn nhà Ông Trương Phụng	60,000
		Đầu vườn nhà Ông Trương Phụng	Hết vườn nhà Ông Nguyễn Hữu Thành	180,000
		Hết vườn nhà Ông Nguyễn Hữu Thành	Cầu thôn 2	100,000
		Cầu thôn 2	Cây đa Cổng chào thôn 1	90,000
		Cây đa Cổng chào thôn 1	Giáp ranh xã Cư Pui	80,000
2	Đường GT NT	Đầu vườn Ông Nguyễn Văn Tâm	Hết vườn Ông Mai Viết Tăng	70,000
		Hết vườn Ông Mai Viết Tăng	Hết khu dân cư thôn 6	50,000
		Cuối vườn nhà Ông Võ Văn Tư (Nga)	Hết trường Tiểu học Buôn Tiêr	80,000
		Đầu vườn nhà Ông Ama Sinh (Ngô B)	Ngã 3 đầu Buôn Ngô A	50,000
3	Khu dân cư còn lại			40,000
V	Xã Cư Pui			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hoà Phong	Ngã 3 đường đi Buôn Ngô	100,000
		Ngã 3 đường đi Buôn Ngô	Đầu vườn nhà Ông Y Khiêm (Buôn Lăk)	60,000
		Đầu vườn nhà Ông Y Khiêm (Buôn Lăk)	Ngã 3 nhà Ông Liêm (Buôn Lăk)	250,000
		Ngã 3 nhà Ông Liêm (Buôn Lăk)	Đầu vườn Ông Ng. Trọng Hoàng (Điện Tân)	100,000
		Đầu vườn Ông Ng. Trọng Hoàng (Điện Tân)	Cầu Điện Tân (Ếa Mun)	200,000
		Cầu Điện Tân (Ếa Mun)	Ngã 3 Buôn Khanh (Vào Cầu treo)	250,000
		Ngã 3 Buôn Khanh (Vào Cầu treo)	Giáp ranh xã Cư Đrăm	300,000
2	Đường GTNT	Đầu vườn nhà Ông Đỗ Hữu Đức	Ngã 3 đi hang đá Đăk Tuôr	200,000
		Cuối vườn Ông Ama Bơh	Hết khu dân cư	60,000
		Cuối vườn nhà Ông Nguyễn Song	Hết vườn nhà Ông Lê Hữu Cư	60,000
		Cuối vườn nhà Ông Lê Văn Thợ (Chủ tịch xã)	Hết vườn nhà Ông Ngô Văn Huân	60,000
		Cuối vườn Ông Ama Huy	Đầu cầu treo Buôn Khanh	60,000
		Cuối đất Ông Phạm Hội	Hết khu dân cư	60,000
		Đầu vườn nhà Bà Mí Ne	Hết vườn nhà Ông Ama Hanh	60,000
		Cuối vườn nhà Bà H' Quang	Hết vườn nhà Bà H' Rung	70,000

3	Khu dân cư còn lại			50,000
VI	Xã Cư Drầm			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Cư Pui	Cầu Éa Găm	200,000
		Cầu Éa Găm	Cầu nhà Bà Mí Tuấn	250,000
		Cầu nhà Bà Mí Tuấn	Đầu đất vườn nhà Ông Lò Văn Mai	200,000
		Đầu đất vườn nhà Ông Lò Văn Mai	Hết ranh đất Trạm Y tế xã	350,000
		Hết ranh đất Trạm Y tế xã	Cầu Buôn Chàm A	600,000
	Đường đi Yang Mao	Ngã 3 Bà Lịch	Hết vườn Ông Dương Văn Tho	500,000
		Hết vườn Ông Dương Văn Tho	Hết vườn nhà Ông Ama Hậu	200,000
		Hết vườn nhà Ông Ama Hậu	Giáp ranh xã Yang Mao	100,000
	Đường đi Yang Hăn	Cầu Buôn Chàm A	Hết vườn nhà Bà Liễu	200,000
		Hết vườn nhà Bà Liễu	Cầu Ông Mười	150,000
		Cầu Ông Mười	Cầu Ông Nguyên	100,000
		Cầu Ông Nguyên	Cầu Ông Tám	120,000
		Cầu Ông Tám	Cổng nhà Ông Lâm	200,000
		Cổng nhà Ông Lâm	Giáp ranh huyện M'Đrăk	80,000
2	Đường GTNT	Vườn nhà Ông Bình	Cầu Quang Vui	150,000
		Cuối vườn nhà Bà Hiền Ty	Ngã 3 nhà Ama Joét	200,000
		Cuối vườn nhà Ông Thường	Ngã 3 nhà Ama Châu	200,000
		Cuối vườn nhà Ông Nhật	Ngã 3 nhà Ama Tý	200,000
		Cuối vườn nhà Ông Năm	Ngã 3 nhà Y' Xíu Niê	200,000
		Cuối vườn nhà Vĩnh Hoàng	Giáp Bến xe	250,000
		Cuối vườn nhà Mí Phương	Ngã 3 nhà Bà H' Joen	200,000
		Cuối vườn nhà Ông Thái	Vườn nhà Ông Ama Khoát	200,000
3	KDC còn lại B. Chàm A			100,000
4	Khu dân cư còn lại			60,000
VII	Xã Yang Mao			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Cư Drầm	Đầu vườn nhà Ông Huỳnh Tấn Chín	60,000
		Đầu vườn nhà Ông Huỳnh Tấn Chín	Cầu Éa Mhăt	80,000
		Cầu Éa Mhăt	Ngã 3 đất vườn Ông Ama Hìn	60,000
		Ngã 3 đất vườn Ông Ama Hìn	Ngã 3 đi Buôn Mghí	120,000
		Ngã 3 đi Buôn Mghí	Cuối vườn Ông Ama Huyền (B. Kiêu)	60,000
		Cuối vườn Ông Ama Huyền (B. Kiêu)	Hết khu dân cư Buôn Hàng Năm	50,000

2	Đường GT cấp phối	Vườn nhà Ông Ama Đung	Hết vườn nhà Bà Tân (Thôn 3)	50,000
		Giáp vườn nhà Bà Tân (Thôn 3)	Cổng suối Êa Kơl	40,000
		Cổng suối Êa Kơl	Hết vườn nhà Ông Đinh Văn Quảng (T1)	60,000
		Cuối vườn nhà Ông Ama Hìn	Giáp trường THCS Yang Mao	50,000
		Cuối vườn Ông Ama Kiệt	Giáp vườn Bà Trần Nhâm Sáu	60,000
3	Khu dân cư còn lại			30,000
VIII	Xã Yang Reh			
1	Quốc lộ 27	Cầu Giang Sơn (Giáp ranh huyện Cư Kuin)	Hết đất vườn Ông Phạm Văn Ruyến	150,000
		Hết đất vườn Ông Phạm Văn Ruyến	Đầu nghĩa địa Buôn Cuah A	120,000
		Đầu nghĩa địa Buôn Cuah A	Hết trường Mẫu giáo Buôn Cuah B	70,000
		Hết trường Mẫu giáo Buôn Cuah B	Hết đất vườn Ông Trịnh Ngọc Hoàng	90,000
		Hết đất vườn Ông Trịnh Ngọc Hoàng	Đầu ranh trụ sở UBND xã Yang Reh	150,000
		Đầu ranh trụ sở UBND xã Yang Reh	Đầu điểm đập tràn hồ Yang Reh	500,000
		Đầu điểm đập tràn hồ Yang Reh	Cầu Tân Đức	140,000
		Cầu Tân Đức	Giáp ranh huyện Lắk	100,000
2	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Ea Trul	Cầu Yang Reh	120,000
		Cầu Yang Reh	Hết đất vườn Ông Trương Quốc Cường	400,000
3	Đường GTNT			60,000
4	Khu dân cư còn lại			40,000
IX	Xã Ea Trul			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hoà Sơn	Cầu thôn 3 Êa Trul	100,000
		Cầu thôn 3 Êa Trul	Hết đất vườn Ông Bùi Thắng Lực	110,000
		Hết đất vườn Ông Bùi Thắng Lực	Đầu đất vườn Ông Y' Khon	100,000
		Đầu đất vườn Ông Y' Khon	Đầu đất vườn Ông Y' Wong	110,000
		Vườn nhà Ông Y' Wong	Hết đất vườn nhà Ông Y' Duyệt	140,000
		Hết đất vườn nhà Ông Y' Duyệt	Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Ea Trul	200,000
		Đất Trụ sở UBND xã Ea Trul	Hết đất vườn Ông Trương Quang Toàn	300,000
		Hết đất vườn Ông Trương Quang Toàn	Hết đất vườn Ông Đồng Sỹ Âu	500,000

		Hết đất vườn Ông Đồng Sỹ Âu	Giáp ranh xã Yang Reh	200,000
2	Đường GTNT			70,000
3	Khu dân cư còn lại			50,000
X	Xã Hoà Sơn			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh thị trấn Krông Kmar	Ngã 3 đi thôn 7 (nhà Ông Điền)	600,000
		Ngã 3 đi thôn 7 (nhà Ông Điền)	Hết vườn nhà Ông Ký	450,000
		Hết vườn nhà Ông Ký	Hết vườn nhà Ông Linh	300,000
		Hết vườn nhà Ông Linh	Hết cây xăng Thành Tâm (Ông Tàu)	200,000
		Hết cây xăng Thành Tâm (Ông Tàu)	Cầu thôn 2 Hoà Sơn	550,000
2	Đường GTNT	Cầu thôn 2 Hoà Sơn	Giáp ranh xã Ea Trul	150,000
		Đầu đất vườn Ông Hồ	Cuối đường đi thôn 7	60,000
		Ngã 3 Buôn Ja (Cổng N3)	Giáp đất Vườn Quốc gia Chư Yang Sin	70,000
3	Khu dân cư còn lại	Đường giao thông (đường đất đã nâng cấp)		50,000
		Đường giao thông (đường đất chưa nâng cấp)		40,000
XI	Xã Hoà Tân			
1	Đường GTNT	Ngã 3 cầu Chữ V về hướng Tây	Hết đất vườn Ông Hoàng Ngọc Tâm	73,000
		Hết đất vườn Ông Hoàng Ngọc Tâm	Hết nghĩa địa xã Hoà Tân	63,000
		Hết nghĩa địa xã Hoà Tân	Hết trường Tiểu học Hoà Tân (Thôn 3)	65,000
		Ngã 3 trụ sở UBND xã Hoà Tân	Hết vườn nhà Ông Nguyễn Ngộ	55,000
		Đầu Trường Mẫu giáo Hoà Tân (Thôn 6)	Hết vườn Ông Nguyễn Vui (Thôn 3)	60,000
2	Khu dân cư còn lại			40,000
XII	Xã Cư Kty			
1	Tỉnh lộ 9	Ngã 3 cầu Chữ V về hướng Bắc	Ngã 3 Ông Lưu Châu	200,000
		Ngã 3 Ông Lưu Châu	Ngã 3 Ông Hồ Lưu Thành	230,000
		Ngã 3 Ông Hồ Lưu Thành	Ngã 3 Thắng Bình	250,000
		Ngã 3 Thắng Bình	Cổng Văn hoá thôn 1	350,000
		Cổng Văn hoá thôn 1	Hết đất vườn Ông Trương Văn Cường	400,000
		Hết đất vườn Ông Trương Văn Cường	Hết đất vườn Ông Trần văn Đường	350,000
		Hết đất vườn Ông Trần văn Đường	Hết Trạm Y tế xã Cư Kty	300,000
		Hết Trạm Y tế xã Cư Kty	Ngã 3 Ông Võ Quốc Ước	200,000

		Ngã 3 Ông Võ Quốc Ước	Giáp ranh xã Dang Kang	170,000
2	Đường GTNT	Ngã 3 Thăng Bình (về hướng Đông)	Ngã 3 Ông Nguyễn Văn Hà	100,000
			Ngã 3 Ông Trần Thanh Hồng	90,000
		Ngã 3 Ông Nguyễn Văn Hà	Ngã 3 Ông Nguyễn Công Lành	80,000
		Ngã 3 Ông Trần Thanh Hồng	Hết đất vườn nhà Ông Võ Văn Tính	70,000
		Ngã 3 Ông Nguyễn Công Lành	Cổng Bà Nha	70,000
		Ngã 4 thôn 2	Cổng 3 sào	65,000
		Cổng Bà Nha	Giáp Đập Cư Đrang	60,000
		Cổng 3 sào	Ngã 3 Ông Nguyễn Văn Quang	150,000
		Ngã 3 Thăng Bình (về hướng Tây)	Ngã 3 Ông Huỳnh Văn Mười	100,000
		Ngã 3 Ông Nguyễn Văn Quang	Cuối đất vườn Ông Huỳnh Duy Hồng	150,000
		Cuối đất vườn Ông Huỳnh Duy Hồng	Cổng Văn hoá thôn 4	100,000
		Cổng Văn hoá thôn 4	Ngã 3 Ông Phan Ước	70,000
		Ngã 3 Ông Phan Ước	Cổng đồng Ấng ten	50,000
		Cổng đồng Ấng ten	Giáp ranh xã Ea Yêng	150,000
		Cuối đất Trạm Y tế xã Cư Kty	Ngã 3 Rừng le	100,000
		Ngã 3 Rừng le	Hết vườn nhà Ông Nguyễn Kim Tuấn	70,000
		Hết vườn nhà Ông Nguyễn Kim Tuấn		
3	Khu dân cư còn lại			50,000
XIII	Xã Hoà Thành			
1	Đường GT nông thôn	Giáp ranh xã Dang Kang	Hết Trường cấp I Hoà Thành (Thôn 3)	150,000
		Hết Trường cấp I Hoà Thành (Thôn 3)	Hết đất vườn Ông Ngô Văn Khanh (T.4)	100,000
		Giáp đất vườn Ông Bùi Hữu Hoá (T.5)	Hết đất vườn Ông Trương Văn Hải (T.6)	80,000
		Giáp đất vườn Ông Trần Hạ (T.6)	Hết đất vườn Ông Lưu Văn Thiên (T.6)	50,000
2	Khu dân cư còn lại			
	Thuộc Thôn 1,2 và 3			50,000
	Thuộc Thôn 4,5 và 6			25,000
XIV	Xã Dang Kang			
1	Tỉnh lộ 9	Giáp ranh xã Cư Kty	Đầu vườn Bà Lê Thị Hồng (Cư NunA)	250,000
		Đầu vườn Bà Lê Thị Hồng (Cư NunA)	Hết đất vườn nhà Ông Ama Miên (A)	300,000

		Hết đất vườn nhà Ông Ama Miên (A)	Hết đất vườn Ông Y' Bliết Êban (Cư Păm)	450,000
		Từ Vườn Ông Y' Bleng Byă (Cư Păm)	Giáp ranh xã Tân Tiến - Krông Păch	350,000
2	Đường GTNT	Ngã 3 Hoà Thành (vào sâu 50m)	Cầu đi Hoà Thành	250,000
		Cầu đi Hoà Thành	Giáp ranh xã Hoà Thành	200,000
		Ngã 3 Ông Hà Phiếu (Thôn 1 vào 50 m)	Hết vườn Ông Huỳnh Tỏ (Thôn 3)	250,000
		Hết vườn Ông Huỳnh Tỏ (Thôn 3)	Hết đất vườn nhà Ông Nguyễn Hồng	150,000
		Từ vườn nhà Bà Châu Thị Tao (T.3)	Hết đất vườn nhà Ông Trần Nam	150,000
3	Khu dân cư còn lại			50,000

BẢNG SỐ 8: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BUỒN HỒ NĂM 2010

(Kèm theo Quyết định số: 42 /2009/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

 ĐVT: Đồng/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
I	Phường Đát Hiếu			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Pong Drang	Hết ranh giới đất chùa Đát Hiếu	2,500,000
		Hết ranh giới đất chùa Đát Hiếu	Giáp ranh giới phường An Lạc	3,000,000
2	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp phường An Lạc	Cầu RôSy	3,500,000
3	Đường vào nghĩa địa Tân Lập I	QL 14	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Tuấn Hoàng	800,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Tuấn Hoàng	Hết Nghĩa Địa	500,000
4	Đường đi đập tràn	QL 14	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thanh Định	800,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thanh Định	Hết ranh giới đất nhà ông Phạm Tấn	500,000

5	Đường vào khu B	QL 14	Hết ranh giới đất nhà ông Lê Hồng Xuân	800,000
6	Đường vào khu trung tâm phường	Từ QL 14	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Quang Tuyến	1,300,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Quang Tuyến	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Ngọc Song	900,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Ngọc Song	Hết ranh giới đất của ông Hạ Quang Nha	500,000
7	Đường giáp Đat Hiếu 3, Đat Hiếu 2	QL 14	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn An Ka	800,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn An Ka	Hết ranh giới đất nhà ông Trần Công Nghệ	500,000
8	Đường giáp phường An Bình	QL 14	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thế Vinh	800,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thế Vinh	Hết ranh giới đất nhà ông Huỳnh Thế Sa	500,000
9	Đường vào Trường Lê Thị Hồng Gấm	Từ QL 14	Hết ranh giới đất nhà ông Trần Minh Hoàng	1,500,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Trần Minh Hoàng	Hết ranh giới đất trường Lê Thị Hồng Gấm	1,100,000
		Hết ranh giới đất trường Lê Thị Hồng Gấm	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Cường	600,000
11	Đường vào chùa Đat Hiếu	QL 14	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Liêu (Hết đường)	800,000
12	Đường vào thôn Đat Hiếu 5	QL 14	Hết nhà ông Trần Ngãi (Hết đường)	800,000
13	Đường vào Đập Hồ Đá	QL 14	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đức Độ	800,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đức Độ	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thái	500,000
14	Đường vào thôn Đat Hiếu 4 (Ngã 3 nhà ông	QL 14	Nhà bà Lê Thị Hồng (Hết đường)	800,000

	Lê Xứng)			
15	Đường vào trung tâm thôn Đạt Hiếu 4	QL 14	Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Minh Tông	800,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Minh Tông	Hết ranh giới đất nhà ông Biện Lơ	500,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Biện Lơ	Hết khu dân cư	300,000
16	Đường vào Cầu Đường	QL 14	Hết ranh giới đất nhà bà Phạm Thị Vàng	800,000
		Hết ranh giới đất nhà bà Phạm Thị Vàng	Hết ranh giới đất nhà bà H Lok Niê	500,000
17	Đường vào Buôn Klia	QL 14	Hết ranh giới đất nhà bà Nguyễn Thị Trang	800,000
		Hết ranh giới đất nhà bà Nguyễn Thị Trang	Hết Bến Nước	500,000
18	Đường vào Sân vườn Tinh Nền	Trần Hưng Đạo	Hết ranh giới đất Nhà hàng sân vườn Tinh Nền (Giáp đất Công ty Cà phê Buôn Hồ chưa bàn giao)	800,000
19	Đường vào Sân Vận Động	Trần Hưng Đạo	Hết ranh giới Sân Vận Động	800,000
		Hết ranh giới Sân Vận Động	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thanh Úy	500,000
20	Đường tránh đông	Giáp phường An Lạc	Đường vào nghĩa trang liệt sĩ	800,000
21	Đường tránh tây	Giáp phường An Bình	Hết đường	800,000
22	Các đường song song QL 14			
	- Dãy đường I	Từ phường An Bình - An lạc	Đến giáp xã PongĐrang, huyện Krông Búk	800,000
	- Dãy đường II	Từ phường An Bình - An lạc	Đến giáp xã PongĐrang, huyện Krông Búk	500,000
23	Khu vực còn lại			200,000
II	Phường An Bình			

1	Hùng Vương (QL 14)	Đường An Dương Vương	Nguyễn Hữu Thọ	4,000,000
		Nguyễn Hữu Thọ	Đường Nguyễn Trãi	6,000,000
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Hoàng Diệu	9,000,000
		Đường Hoàng Diệu	Đường Phạm Ngũ Lão	12,000,000
		Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Lê Quý Đôn	9,000,000
		Đường Lê Quý Đôn	Nguyễn Thị Minh Khai	6,000,000
		Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp phường Đạt Hiếu	4,500,000
2	An Dương Vương	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1,500,000
		Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 ranh giới P.An Bình	800,000
3	Nguyễn Đức Cảnh	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1,000,000
		Nguyễn Tất Thành	Hết đường	600,000
4	Nguyễn Hữu Thọ	Đầu đường	Hết đường	1,000,000
5	Đường Nguyễn Trãi	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	3,500,000
		Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	2,200,000
		Phan Chu Trinh	Hết đường	1,200,000
6	Đường Chu Văn An	Hùng Vương	Hết đường	3,000,000
7	Đường Quang Trung	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	3,500,000
		Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	2,200,000
		Phan Chu Trinh	Hết đường	1,200,000
8	Đường Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Chí thanh	11,000,000
		Nguyễn Chí thanh	Nguyễn Tất Thành	8,500,000
		Nguyễn Tất Thành	Hết ranh giới đất Cty TNHH Trung Dũng	3,500,000
		Hết ranh giới đất Cty TNHH Trung Dũng	Hết đường	1,700,000

9	Đường Phạm Ngũ Lão	Hùng Vương	Hết đường	10,000,000
10	Phạm Ngọc Thạch			
10	Phạm Ngọc Thạch	Hùng Vương	Hết đường	5,000,000
11	Đường Lê Quý Đôn	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	3,000,000
		Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 nhà ông Lê Văn Duyệt	1,800,000
		Ngã 3 nhà ông Lê Văn Duyệt	Cầu Bà Tĩnh	1,200,000
		Cầu Bà Tĩnh	Hết đường	600,000
12	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hùng Vương	Nguyễn Thị Định	1,500,000
		Nguyễn Thị Định	Hết đường	800,000
13	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	2,000,000
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1,000,000
14	Đường Phan Đăng Lưu	Chu Văn An	Phạm Ngũ Lão	2,500,000
15	Đường Trần Phú	Chu Văn An	Quang Trung	3,000,000
16	Đường Nguyễn Chí Thanh	Bùi Thị Xuân	Hoàng Diệu	6,000,000
		Hoàng Diệu	Lê Quý Đôn	10,000,000
		Lê Quý Đôn	Nguyễn Tri Phương	2,500,000
		Nguyễn Tri Phương	Hết đường	1,700,000
17	Đường Nguyễn Tất Thành	An Dương Vương	Nguyễn Trãi	800,000
		Nguyễn Trãi	Đinh Tiên Hoàng	2,000,000
		Đinh Tiên Hoàng	Hết đường	4,500,000
18	Đường Trần Quốc Toản	Nguyễn Trãi	Hết đường	1,200,000

19	Đường Lê Lai	Nguyễn Trãi	Y Jut	1,200,000
20	Đường Y Jut	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	1,500,000
21	Đường Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành	Trần Phú	2,500,000
22	Đường Ngô Quyền	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	5,500,000
23	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	4,000,000
24	Đường Lê Lợi	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	2,000,000
		Phan Chu Trinh	Hết đường	1,000,000
25	Đường Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	2,000,000
26	Đường Phan Chu Trinh	Nguyễn Trãi	Quang Trung	1,500,000
		Quang Trung	Hết đường	1,700,000
27	Đường Nguyễn Thị Định	Lê Quý Đôn	Hết đường	1,500,000
28	Đường giao thông	Ngã 3 ranh giới An Bình - Đoàn Kết	Hết ranh giới đất nhà ông Phạm Duy Mỹ	300,000
29	Khu vực còn lại			200,000
III	Phường An Lạc			
1	Đường Hùng Vương	Đường Phan Đình Phùng	Nguyễn Văn Cừ	4,000,000
		Nguyễn Văn Cừ	Đường Nơ Trang Long	6,000,000
		Đường Nơ Trang Long	Đường Trần Hưng Đạo	9,000,000
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Thị Sáu	12,000,000
		Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Đình Chiểu	9,000,000
		Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Du	6,000,000
		Đường Nguyễn Du	Giáp phường Đạt Hiếu	4,500,000
2	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Đình Chiểu	3,000,000

		Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Bình khiêm	1,800,000
		Đường Nguyễn Bình khiêm	Giáp ranh phường Đạt Hiếu	1,000,000
3	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Đường Phan Bội Châu	1,500,000
		Đường Phan Bội Châu	Hết đường	800,000
4	Nguyễn Bình Khiêm	Đường Hùng Vương	Đường Phan Bội Châu	1,500,000
		Đường Phan Bội Châu	Hết đường	1,000,000
5	Trần Đại Nghĩa	Đường Hùng Vương	Đường Phan Bội Châu	1,500,000
		Đường Phan Bội Châu	Hết đường	1,000,000
6	Nguyễn Việt Xuân	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Bình khiêm	1,500,000
		Đường Nguyễn Bình khiêm	Hết đường	1,200,000
7	Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Bình khiêm	1,300,000
		Đường Nguyễn Bình khiêm	Hết đường	1,000,000
8	Nguyễn Đình Chiểu	Đường Hùng Vương	Đường Phan Bội Châu	3,000,000
		Đường Phan Bội Châu	Hết đường	1,800,000
9	Kim Đồng	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	3,000,000
10	Võ Thị Sáu	Đường Hùng Vương	Hết đường	2,500,000
11	Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	Đường Kim Đồng (phía Nam); Phan Bội Châu (phía Bắc)	12,000,000
		Đường Kim Đồng (phía Nam); Phan Bội Châu (phía Bắc)	Đầu HTX An Lạc (phía Bắc); Đầu nhà bà Cảnh (phía Nam)	9,000,000
		Đầu HTX An Lạc (phía Bắc); Đầu nhà bà Cảnh (phía Nam)	Giáp phường Đạt Hiếu	6,000,000
		Giáp phường Đạt Hiếu	Đầu Cầu RôSy	3,500,000
12	Hai Bà Trưng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	3,500,000
		Đường Lê Duẩn	Đường Nơ Trang Lơng	2,000,000
13	Lê Duẩn	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Lê Hồng Phong	2,000,000
		Đường Lê Hồng Phong	Hết đường	

				2,500,000
14	Lê Hồng Phong	Đường Hùng Vương	Lê Duẩn	3,000,000
15	Phạm Văn Đồng	Đường Lê Duẩn	Nơ Trang Long	2,000,000
16	Ama Khê	Đường Hùng Vương	Hết đường	2,500,000
17	Tôn Thất Tùng	Đường Hùng Vương	Hết đường	2,500,000
18	Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Đường Lý Tự Trọng	3,500,000
		Đường Lý Tự Trọng	Hết ranh giới đất nhà ông Y Ôm Niê	1,500,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Y Ôm Niê	Trường THCS Lý Thường Kiệt	800,000
		Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đầu Cầu Buôn Tring	400,000
19	Huỳnh Thúc Kháng	Đường Phan Đình Phùng	Hết đường	1,000,000
20	Lý Tự Trọng	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,500,000
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Hết đường	800,000
21	Nguyễn Văn Cừ	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,800,000
		Đường Nguyễn Trung Trực	Hết đường	1,500,000
22	Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Phan Đình Phùng	1,500,000
		Đường Phan Đình Phùng	Hết đường	1,000,000
23	Trần Cao Vân	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Thúc Kháng	1,500,000
		Đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết đường	800,000
24	Phan Đình Phùng	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,000,000
25	02 trục đường song song đường Nguyễn Văn Trỗi về phía Đông	Nguyễn Đình Chiểu	Hết đường	600,000
26	Khu vực còn lại			200,000
IV	Phường Thiên An			

1	Đường Hùng Vương (QL14)	Giáp ranh phường Thống Nhất	Đường vào thôn 12/3 phường Đoàn Kết (phía Tây); Đầu nhà ông Nguyễn Viết Sáu (phía Đông)	1,500,000
		Đường vào thôn 12/3 (phía Tây); Đầu nhà ông Nguyễn Viết Sáu (phía Đông)	Đường vào P.Đoàn Kết (phía Tây); Đầu nhà Thi hành án (phía Đông)	2,000,000
		Đường vào P.Đoàn Kết (phía Tây); Đầu nhà Thi hành án (phía Đông)	Đường chùa Thiện An (phía Đông); Đầu thửa đất nhà Ông Dũng (phía Tây)	2,500,000
		Đường chùa Thiện An (phía Đông); Đầu thửa đất nhà Ông Dũng (phía Tây)	Hết ranh giới đất đất ông Tính - bà Huệ (Cửa hàng nội thất Tính Huệ, phía Đông); Đường An Dương Vương (phía Tây)	3,000,000
		Hết ranh giới đất đất ông Tính - bà Huệ (Cửa hàng nội thất Tính Huệ, phía Đông); Đường An Dương Vương (phía Tây)	Đường Phan Đình Phùng	4,000,000
2	Đường vào thôn 12/3 P.Đoàn Kết	Đầu đường giáp QL 14	Giáp ranh giới Phường Đoàn Kết	600,000
3	Đường An Dương Vương	Đầu đường giáp đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành	1,500,000
		Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Đoàn Kết	800,000
4	Đường vào chùa Thiện An	Đầu đường giáp đường Hùng Vương	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyệt (Trường Trưng Vương)	1,000,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyệt (Trường Trưng Vương)	Trụ sở thôn Đồng Tiến	600,000
5	Đường Thôn Đồng Tâm	Đầu ranh giới đất nhà ông Trần Kim Lê (Giáp phường An Lạc)	Trụ sở thôn Đồng Tâm	400,000
6	02 Đường bên hông trường Ngô Mây	Đầu đường phía Bắc (giáp Đường Hùng Vương)	Đến hết nhà bà Đoan	600,000
		Đầu đường phía Nam (giáp Hùng Vương)	Đến hết nhà ông Biển	600,000
7	Đường Nguyễn	Ngã 3 Phan Đình Phùng	Sau đất chùa Thiện An	1,000,000

	Trung Trực			
8	Khu vực còn lại			200,000
V	Phường Đoàn Kết			
1	Đường GT liên phường			
		Giáp Thiện An (Đường An Dương Vương)	Ngã 3 nhà ông Đức	800,000
2	Khu vực 12/3			
		Đầu cầu 12/3	Cổng thôn văn hoá 12/3II	300,000
		Cổng thôn văn hoá 12/3II	Ngã 3 Ân Mỹ II (Đại lý ông Phong)	200,000
3	Khu vực Ân Mỹ	Cổng thôn văn hoá Ân Mỹ I	Ngã 3 thôn Ân Mỹ I (nhà ông Phương)	250,000
		Đầu cầu Ân Mỹ	Ngã 3 Ân Mỹ II Nhà (Đại lý ông Phong)	150,000
		Nhà ông Lắm (Ân Mỹ I)	Nhà ông Nguyễn Hương Thơm	200,000
4	Khu vực Nhơn Bình	Cầu bà Tiên	Nhà ông Lắm (Ân Mỹ I)	300,000
		Ngã 4 Trường THCS Trần Phú	Trụ sở thôn Ân Mỹ I	200,000
5	Khu vực còn lại			120,000
VI	Phường Thống Nhất			
1	Quốc lộ 14	Trụ sở UBND P.Thống Nhất	Giáp phường Bình Tân	1,600,000
		UBND P.Thống Nhất	Đầu ranh giới đất nhà bà Trần Thanh Linh (phía Tây); Đầu nhà ông Cường chồng bà Thu (phía Đông)	1,600,000
		Đầu ranh giới đất nhà bà Trần Thanh Linh (phía Tây); Đầu nhà ông Cường chồng bà Thu (phía Đông)	Giáp phường Thiện An	1,200,000
2	Các đường giao với QL 14	QL 14	QL 14 + 50m	800,000
		QL 14 > 50m	QL 14 + 100m	700,000

		QL 14 > 100m	QL 14 + 250m	550,000
		QL 14 > 250m	Hết khu dân cư	300,000
34	Các khu vực còn lại			150,000
VII	Phường Bình Tân			
1	Quốc lộ 14	Đầu Cầu Hà Lan	Đường vào thôn quyết Tiến 2; Đầu nhà bà Hoàng Thị Mỹ	1,800,000
		Đường vào thôn quyết Tiến 2; Đầu nhà bà Hoàng Thị Mỹ	Hết ranh giới đất Nhà thờ Vinh Quang ; Ngã 3 nhà ông Nguyễn Ngọc Nam	1,500,000
		Hết ranh giới đất Nhà thờ Vinh Quang ; Ngã 3 nhà ông Nguyễn Ngọc Nam	Hết Phường Bình Tân (Đèo Hà Lan)	1,000,000
2	Đường vào chợ	QL 14	Hết khu vực Chợ (hết nhà ông Võ Đức Toàn)	1,200,000
		Hết khu vực Chợ (hết nhà ông Võ Đức Toàn)	Hết ranh giới đất nhà ông Đoàn Đăng Huân	400,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Đoàn Đăng Huân	Hết khu dân cư	200,000
3	Các đường giao với QL 14	QL 14	QL 14 + 100m	600,000
		QL 14 > 100m	QL 14 + 200m	400,000
		QL 14 > 200m	Hết khu dân cư	200,000
4	Khu vực còn lại			120,000
VIII	Xã Cư Bao			
1	Quốc lộ 14	Ngã 3 đường vào xã Bình Thuận (Giáp ranh giới phường Bình Tân)	Ngã 3 nhà ông Điền đường vào đập Ea Kram	800,000
		Ngã 3 nhà ông Điền đường vào đập Ea Kram	Ngã 3 nhà thờ công chính Cư Bao	1,100,000

		Ngã 3 nhà thờ công chính Cư Bao	Ngã 3 nhà ông Thành, ông Tứ	1,200,000
		Ngã 3 nhà ông Thành, ông Tứ	Giáp ranh giới huyện CưMgar (cổng)	1,000,000
2	Đường vào Buôn Gram	QL 14	Ngã tư nhà ông Long	300,000
		Ngã tư nhà ông Long	Ngã 3 nhà ông Cao Đình Phương	200,000
3	Đường vào đập EaKram	QL 14	Ngã 4 nhà ông Đường	300,000
		Ngã 4 nhà ông Đường	Ngã 3 nhà bà Trần Thị Thảo	200,000
4	Đường đi Bình Hoà	Ngã 3 QL 14	Hết ranh giới đất trường Nguyễn Văn Trỗi	700,000
		Hết ranh giới đất trường Nguyễn Văn Trỗi	Ngã 4 trước cổng thôn Sơn Lộc 2	300,000
		Ngã 4 trước cổng thôn Sơn Lộc 2	Ngã 3 đường vào nhà bà Phiến - Sơn Lộc 3	250,000
		Ngã 3 đường vào nhà bà Phiến - Sơn Lộc 3	Ngã ba nhà bà Bùi Thị Liên thôn 8	200,000
5	Các đường bao quanh chợ xã Cư Bao			800,000
6	Khu vực còn lại			120,000
IX	Xã Bình Thuận			
1	Đường vào trung tâm xã	QL 14	Đầu ranh giới đất nhà thờ Mân Côi	700,000
		Đầu ranh giới đất nhà thờ Mân Côi	Ngã tư Bình Thành	800,000
		Ngã tư Bình Thành	Hết ranh giới đất cây xăng Thịnh Phong	800,000
		Hết ranh giới đất cây xăng Thịnh Phong	Hết ranh giới đất nhà bà Phan Thị Ngành	400,000
2	Khu vực ngã 4 Bình Thành	Ngã 4 Bình Thành (về hướng Bắc)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Phụng	400,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Phụng	Đường vào thôn Bình Thành 1	300,000

		Ngã 4 Bình Thành (về hướng Đông)	Hết ranh giới đất nhà ông Văn Đức Nghĩa	400,000
3	Khu vực ngã 4 Bình Hòa	Ngã 4 Bình Hòa (về hướng Đông)	Hết Sân Vận Động của xã	800,000
		Hết Sân Vận Động của xã	Hết ranh giới đất nhà bà Khiêm	500,000
		Ngã 4 Bình Hòa (về hướng Tây)	Hết ranh giới đất nhà bà Đặng Thị Huệ	500,000
		Hết nhà bà Đặng Thị Huệ	Đầu buôn Jút	400,000
		Ngã 4 Bình Hòa (về hướng Nam)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Hữu Chín	250,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Hữu Chín	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Hữu Quang	200,000
		Ngã 3 vào đập EaPhê	Hết ranh giới đất nhà ông Phạm Văn Tuấn	150,000
4	Khu vực Bình Thành	Ngã 3 vào thôn Bình Thành IV	Hết ranh giới đất nhà ông Trần Hợp	150,000
		Ngã 3 vào thôn Bình Thành III	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Quang Thiên	150,000
		Ngã 3 vào thôn Bình Thành II	Hết ranh giới đất nhà ông Trần Văn Hà	200,000
		Ngã 3 vào thôn Bình Thành I	Hết ranh giới đất nhà ông Phạm Bảo	150,000
5	Khu vực Bình Minh	Ngã 3 Bình Minh 5	Hết ranh giới đất nhà ông Mai Văn Kim	150,000
		Ngã 3 Bình Minh 3	Hết ranh giới đất Chùa Phổ Tế	150,000
6	Khu vực còn lại			120,000
X	Xã EaSiên			
1	Tuyến trung tâm xã	Cổng chào thôn 1A	Ngã 5 trung tâm xã Ea Siên	300,000
		Ngã 5 trung tâm xã Ea Siên	Trường tiểu học Tô Hiệu	250,000
2	Tuyến đường vào TT xã	Từ cầu suối đục	Đến cổng chào Thôn 1A	200,000
		Các tuyến đường nhựa trung tâm cụm xã EaSiên		200,000
3	Tuyến thôn 5, thôn 2a;2b	Ngã 4 ông Pai	Hết xã EaSiên	120,000

4	Tuyến trục chính thôn 3	Cổng chào thôn 3	Cổng chào thôn 4B	100,000
5	Tuyến thôn 7	Cổng chào thôn 7	Trụ sở thôn 7	100,000
6	Tuyến đường Buôn Lung 2	Cổng buôn ĐLung 2	Cầu suối đực	100,000
7	Đường đi thôn 6A; 6B	Ngã 3 đi buôn Trang	Hết ranh giới đất nhà ông Đầy	100,000
8	Khu vực còn lại			60,000
XI	Xã EaBlang			
1	Đường GT trục chính vào xã EaBlang			
		Đầu cầu Buôn Tring	Hết ranh giới đất cây xăng Nhà ông Minh	350,000
		Hết ranh giới đất cây xăng Nhà ông Minh	Hết ranh giới đất vườn nhà bà H Nin Miô	800,000
		Hết ranh giới đất vườn nhà bà H Nin Miô	Giáp ranh giới xã EaSiên	250,000
		Ngã 3 đi xã EaBlang và EaĐrông	Đầu trụ sở Thôn Đông Xuân	800,000
		Đầu trụ sở Thôn Đông Xuân	Giáp ranh giới xã EaĐrông	300,000
2	Khu vực Chợ			
		Đường bao quanh chợ		400,000
3	Đường Trần Hưng Đạo kéo dài			
		Cầu RôSy	Giáp xã Tân Lập huyện Krông Búk	2,000,000
4	Khu vực còn lại			120,000
XII	Xã EaĐrông			
1	Trục đường 2C			

		Trung tâm UBND xã EaĐrông	Đầu ranh giới đất nhà ông Y Hum Niê	500,000
		Đầu ranh giới đất nhà ông Y Hum Niê	Ngã 3 Trường Tiểu Học NơTrangLơng	300,000
		Ngã 3 Trường Tiểu Học NơTrangLơng	Hết ranh giới đất nhà ông AmaRueng	300,000
		Hết ranh giới đất nhà ông AmaRueng	Hết ranh giới đất nhà ông Y Ngé Niê	240,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Y Ngé Niê	Nông trường 49 xã Phú Xuân Kr.Năng	300,000
		Trung tâm UBND xã	Đầu Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	500,000
		Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Ngã 3 Ama Luin	300,000
		Ngã 3 Ama Luin	Giáp xã EaBLang	240,000
		Ngã 3 Ama Luin	Giáp EaHô - Krông Năng	120,000
2	Khu vực còn lại			80,000

BẢNG 9: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BÚC NĂM 2010

(Kèm theo Quyết định số: 42 /2009/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
I	Xã Pong Drang			
1	Dọc hai bên quốc lộ 14 (Từ giáp ranh giới thị xã Buôn Hồ về huyện Ea hleo)			
		Giáp ranh giới phường Đạt Hiếu của thị xã Buôn Hồ	Hết ranh giới đất của trụ sở UBND xã Pong Drang	2.500.000
		Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã Pong Drang	Hết ngã 3 cổng thôn Tân Lập 6	3.500.000
		Hết ngã 3 cổng thôn Tân Lập 6	Hết ngã 3 đường tỉnh lộ 8	4.500.000
		Từ hết ngã 3 đường tỉnh lộ 8	Hết ranh giới đất Trường Lê Lợi	3.500.000
		Hết ranh giới đất Trường Lê Lợi	Hết ranh giới đất trụ sở tạm thời UBND huyện	2.500.000
		Hết ranh giới đất trụ sở tạm thời UBND huyện	Hết ranh giới đất Trường dạy nghề	3.000.000

		Hết ranh giới đất Trường dạy nghề	Giáp xã Chư Kô	2.00.000
2	Đường tỉnh lộ 8			
		Ngã 3 Quốc lộ 14	Ngã 3 Quốc lộ 14 + 100 m	3000.000
		Ngã 3 Quốc lộ 14 + 100 m	Ngã 3 quốc lộ 14 + 500 m	1400.000
		Ngã 3 quốc lộ 14 + 500 m	Ngã 3 Quốc lộ 14 + 1000 m	780.000
		Ngã 3 quốc lộ 14 + 1000 m	Ngã 3 quốc lộ 14 + 2000 m	540.000
		Ngã 3 quốc lộ 14 + 2000 m	Cầu Buôn Tàng Mai	360.000
3	Đường đi công ty cà phê 15	Ngã 3 quốc lộ 14	Giáp ranh giới xa Ea Ngai	720.000
4	Các đường tiếp giáp quốc lộ 14			
	Đoạn từ giáp phường Đạt Hiếu đến hết trụ sở UBND xã Pong Drang	Từ Quốc lộ 14 Quốc lộ 14 + 100 m Quốc lộ 14 + 300 m	Quốc lộ 14 + 100 m Quốc lộ 14 + 300 m Quốc lộ 14 + 500 m	500.000 380.000 250.000
	Đoạn từ hết trụ sở xã Pong Drang đến hết ngã 3 cổng thôn Tân Lập 6	Từ Quốc lộ 14 Quốc lộ 14 + 100 m Ngã tư thứ 2	Quốc lộ 14 + 100 m Quốc lộ 14 + 300 m Ngã 4 thứ 3	700.000 530.000 350.000
	Đoạn từ ngã 3 cổng thôn Tân Lập 6 hết ngã 3 đường tỉnh lộ 8 (Trừ đường tỉnh lộ 8)	Từ Quốc lộ 14 Ngã tư thứ đầu tiên Ngã 4 thứ 2	Quốc lộ 14 + 100 m Ngã 4 thứ 2 Ngã 4 thứ 3	840.000 630.000 420.000
	Đoạn từ ngã 3 đường tỉnh lộ 8 (trừ đường tỉnh lộ 8) Hết trường Lê Lợi	Từ quốc lộ 14 Quốc lộ 14 + 100 m Quốc lộ 14 + 300 m	Quốc lộ 14 + 100 m Quốc lộ 14 + 300 m Quốc lộ 14 + 500 m	700.000 530.000 350.000
	Đoạn từ Hết trường Lê Lợi đến Hết trường Phan Đăng Lưu	Từ Quốc lộ 14 Quốc lộ 14 + 100 m Quốc lộ 14 + 300 m	Quốc lộ 14 + 100 m Quốc lộ 14 + 300 m Quốc lộ 14 + 500 m	340.000 250.000 210.000
	Đoạn từ hết trường Lê Lợi đến hết trụ sở UBND huyện	Từ Quốc lộ 14 Quốc lộ 14 + 100 m Quốc lộ 14 + 300 m	Quốc lộ 14 + 100 m Quốc lộ 14 + 300 m Quốc lộ 14 + 500 m	420.000 320.000 210.000
5	Các đường song song với Quốc lộ 14			
	Đoạn từ giáp ranh phường Đạt Hiếu đến hết trụ sở UBND xã Pong Drang	Dãy 1 Dãy 2		430.000 330.000
	Đoạn từ hết trụ sở UBND xã Pong Drang đến ngã 3 cổng thôn Tân Lập 6	Dãy 1 Dãy 2		450.000 450.000
	Đoạn từ ngã 3 cổng thôn Tân Lập 6 đến ngã 3 đường đi tỉnh lộ 8	Dãy 1 Dãy 2		720.000 540.000
	Đoạn từ cổng thôn Tân Lập đến hết ngã 3 đường tỉnh lộ 8	Dãy 1 Dãy 2		600.000 450.000
	Đoạn từ ngã 3 tỉnh lộ 8	Dãy 1		290.000

	đến hết trường Lê Lợi	Dãy 2		220.000
	Đoạn từ hết trường Lê Lợi đến hết trụ sở tạm thời UBND huyện	Dãy 1		360.000
		Dãy 2		270.000
6	Đường buôn Ea Tú đi xã Ea Ngai	Ngã 3 Ba Tài	Ngã 3 Ba Tài + 100 m	480.000
		Ngã 3 Ba Tài + 100 m	Ngã 3 Ba Tài + 500 m	360.000
		Ngã 3 Ba Tài + 500 m	Cầu Ea Tú	240.000
7	Khu dân cư còn lại của xã Pong Drang			180.000
II Xã Chư Kbô				
1	Thôn Kty I			
	Hai bên Quốc lộ 14 (Từ huyện Krông Buk về phía huyện Ea Hleo)	Bắt đầu khu dân cư của thôn K' Ty I	Hết ranh giới thôn K' Ty I	450.000
	Khu dân cư còn lại của thôn K' Ty I			120.000
2	Thôn Kty II			
	Hai bên Quốc lộ 14 (Từ huyện Krông Buk về phía huyện Ea Hleo)	Bắt đầu khu dân cư của thôn K' Ty II (Giáp ranh giới thôn K' Ty I)	Giáp ranh giới thôn K' Ty III và thôn Nam Anh	520.000
	Đường lên UBND xã Chư Kbô	Giáp Quốc lộ 14	Hết ngã 3 nhà ông Mừng	180.000
	Khu dân cư còn lại của thôn K' Ty II			120.000
3	Thôn Nam Anh			
	Dọc Quốc lộ 14 (Từ huyện Krông Buk về phía huyện Ea Hleo)	Giáp với đường lên trụ sở UBND xã Chư Kbô	Giáp ranh giới thôn Nam Tân	650.000
	Đường lên trụ sở UBND xã Chư Kbô	Giáp Quốc lộ 14	Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã Chư Kbô	180.000
	Đường tiếp giáp Quốc lộ 14 (Đường lên trường Phan Bội Châu)	Giáp Quốc lộ 14	Hết ranh giới đất Trường Phan Bội Châu	150.000
	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Anh			140.000
4	Thôn K' Ty III			
	Dọc Quốc lộ 14	Giáp ranh giới thôn K' Ty II	Giáp ranh giới thôn K' Ty IV	650.000
	Khu dân cư còn lại của thôn K' Ty III			120.000
5	Thôn K' Ty IV			
	Dọc Quốc lộ 14 (Về phía Ea Hleo)	Giáp ranh giới thôn K' Ty III	Giáp ranh giới thôn K' Ty V	500.000
	Khu dân cư còn lại của thôn K' Ty IV			120.000
6	Thôn K' Ty V			
	Dọc Quốc lộ 14 (Về phía huyện Ea Hleo)	Đầu ranh giới đất nhà ông Chung	Ngã 3 Cư Pong	670.000
	Khu dân cư còn lại của thôn K' Ty V			140.000
7	Thôn Nam Thái	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết ranh giới đất Trường THCS Hai Bà Trưng	180.000

	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Thái			120.000
8	Thôn Nam Trung	Toàn thôn		120.000
9	Thôn Nam Lộc	Đầu ranh giới đất nhà ông Hanh	Hết ranh giới đất Trường THCS Hai Bà Trưng	170.000
	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Lộc			120.000
10	Thôn Nam Tân			
	Dọc Quốc lộ 14	Giáp ranh giới thôn Nam Anh	Hết khu dân cư của thôn Nam Tân	500.000
	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Tân			120.000
11	Thôn Quảng Hà			
	Đường giao thôn liên thôn (Đoạn từ cổng thôn về phía trạm xá)	Đầu ranh giới đất nhà ông Tiến Đầu ranh giới đất nhà ông Bình	Hết ranh giới đất nhà ông Thường Hết ranh giới đất Trạm xá NT Cư Kpô	360.000
	Khu dân cư còn lại của thôn Quảng Hà			150.000
12	Thôn An Bình			
	Đường giao thông liên thôn (Đoạn từ Cầu đến Trụ sở NT Cao Su)	Đầu ranh giới đất nhà ông Sơn Đầu ranh giới đất nhà ông Tân	Hết ranh giới đất Trụ sở NT Cao su Cư Kpô Hết ranh giới đất nhà ông Thắng	540.000
	Khu dân cư còn lại của thôn An Bình			240.000
13	Thôn Hoà Lộc			
	Đường giao thông liên thôn (Đường tiếp giáp trụ sở NT cao su Cư Kpô)	Đầu ranh giới đất nhà ông Lý Đầu ranh giới đất nhà bà Hà	Giáp lô cao su của thôn Hoà Lộc	460.000
	Khu dân cư còn lại của thôn Hoà Lộc			150.000
15	Thôn Thống Nhất	Đầu cầu NT Cao Su	Hết lô cao su của thôn Thống Nhất	300.000
	Khu dân cư còn lại của thôn Thống Nhất			120.000
16	Thôn Bình Minh	Toàn thôn		120.000
17	Thôn Liên Hoá	Toàn thôn		120.000
18	Thôn Độc Lập	Toàn thôn		120.000
19	Thôn Tân Lập	Toàn thôn		100.000
20	Thôn Kim Phú	Toàn thôn		100.000
21	Thôn Hợp Thành	Toàn thôn		100.000
22	Buôn Ea Nho	Toàn buôn		
III Xã Cư Né				
1	Hai bên Quốc lộ 14 (Từ phía huyện Krông Buk về phía huyện Ea Hleo)	Từ Km 57 Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã Cư Né	Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã Cư Né Đường lên trạm V3 Hết Km 68	700.000 350.000 500.000
2	Các tuyến tiếp giáp Quốc lộ 14			
	Đường đi cầu Buôn Drăk	Từ giáp quốc lộ 14 (đoạn Km 62)	Hết cầu buôn Drăk	150.000

	Đường đi Đập Ea Plai buôn Dhiă	Từ giáp Quốc lộ 14 (đoạn Km 62.5)	Hết đập Ea Plai buôn Dhiă	170.000
	Đường vào thôn Ea Nguôi	Từ giáp Quốc lộ 14 (Đoạn Km 68)	Hết ranh giới đất nhà ông Đoái thôn Ea Nguôi	350.000
	Đường vào xã Cư Pong	Từ giáp Quốc lộ 14 (Đoạn km 60)	Đường vào xã Cư Pong + 800 m	390.000
		Đường vào Cư Pong + 800	Giáp xã Cư Pong	200.000
	Khu dân cư còn lại của xã Cư Né			100.000
IV	Xã Ea Ngai			
1	Đường tỉnh lộ 8	Từ suối đá (Giáp huyện Cư M'gar)	Đầu cầu Buôn Tâng Mai	350.000
2	Đường từ tỉnh lộ 8 đi UBND trụ sở UBND xã Ea Ngai	Ngã 3 tỉnh lộ 8	Ngã 3 tỉnh lộ 8+500 m	250.000
		Ngã 3 tỉnh lộ 8+500 m	Ngã 3 nhà ông Diệu	200.000
		Ngã 3 nhà ông Diệu	Ngã 3 đường đi công ty cà phê 15	300.000
3	Đường đi công ty cà phê 15 (Từ cụm công nghiệp Buôn Hồ đi Công ty cà phê 15)	Từ cụm công nghiệp Buôn Hồ (Giáp xã Pong Drang)	Hết ranh giới đất ông Sơn (cây xăng Thanh Sơn)	500.000
4	Khu dân cư còn lại của xã Ea ngai			120.000
V	Xã Cư Pong			
1	Đường Km 60 vào UBND xã Cư Pong	Ngã Quốc lộ 14	Hết ranh giới đất nhà ông Tài	390.000
		Từ giáp vườn nhà ông Tài	Hết ranh giới đất Trường La Văn Cầu	230.000
		Đầu khu dân cư dọc đường giao thông trục Km 60 (giáp xã Cư né)	Ngã 4 nhà ông Ma Kim + 200m các nhánh rẽ	230.000
		Ngã 4 nhà ông Ma Kim + 200m các nhánh rẽ	Hết cầu suối Ea Súp	150.000
		Hết cầu suối Ea Súp	Ngã 3 đường trung tâm xã	320.000
2	Đường đi công ty cà phê 15	Ngã ba đường vào Cư Pong	Ngã 3 buôn Cư Juôt (Đi huyện Cư M'gar)	400.000
		Ngã 3 đường vào Cư Pong	Đầu trụ sở UBND xã Cư Pong	170.000
		Giáp xã Ea Ngai	Ngã 3 đi Cư Pong	300.000
3	Đường giao thông (Từ trụ sở UBND xã Cư Pong đi xã Ea Sin)	Đầu ranh giới đất Trụ sở UBND xã Cư Pong	Hết ranh giới đất Trường Phạm Hồng Thái	320.000
		Hết ranh giới đất Trường Phạm Hồng Thái	Ngã 4 đường vào xã Ea Sin (Nhà Nay Soát)	290.000
		Đầu nhà Nay Soát	Giáp xã Ea Sin	150.000
5	Khu dân cư còn lại của xã Cư Pong			100.000
VI	Xã Ea Sin			

1	Đường giao thông liên thôn đi vào xã Ea Sin	Từ giáp xã Cư Pong	Hết ranh giới đất nhà ông Dũng	120.000
2	Đường từ Km 3 đi buôn Ea Káp (Từ Quốc lộ 14 vào)	Từ Km3	Đường đi buôn Ea Káp, buôn Ea Kring	100.000
3	Khu dân cư còn lại của xã Ea Sin			60.000
VII	Xã Tân Lập			
1	Đường tỉnh lộ 13	Cầu Rô Xy	Giáp huyện Krông Năng	1500.000
2	Đường tiếp giáp tỉnh lộ 13	Đường vào UBND xã Tân Lập	Đầu đập Ea Krak	200.000
3	Khu dân cư còn lại của xã Tân Lập			130.000

BẢNG SỐ 10: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG ANA NĂM 2010

(Kèm theo Quyết định số: 42 /2009/QĐ-UBND, ngày 31tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh t

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG	
		Từ	Đến
I	Thị trấn Buôn Trấp		
1	Đường Bà Triệu	Đường N'Trang Gưh	Đường Hoàng Văn Thụ
2	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Cao Thắng	Đường Lý Thường Kiệt
3	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường Hoàng Văn Thụ
4	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Bà Triệu
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường YJút
		Đường YJút	Đường Lê Lợi
5	Đường N'Trang Gưh	Đường Bà Triệu	Đường Cao Thắng
		Đường Cao Thắng	Đường YBihAleo
		Đường YBihAleo	Đường Nguyễn Bình Khiêm
		Đường Nguyễn Bình Khiêm	Bờ sông Krông Ana
6	Đường Mai Hắc Đế	Đường Nơ Trang Gưh	Hoàng Văn Thụ
7	Đường cao Thắng	Đường Nơ Trang Gưh	Đường Nơ Trang Long
8	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hùng Vương	Đường Chu Văn An
		Đường Chu Văn An	Cầu Bệnh viện
	Nguyễn Tất Thành (nối dài)	Cầu Bệnh viện	Đầu Đèo Cư Mbao
9	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Chí Thanh
	Đường Chu Văn An nối dài	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp Hồ Sen
10	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Hùng Vương	Đường Chu Văn An
	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Đình Chiểu
11	Đường Nguyễn Du	Đường Chu Văn An	Đường Tôn Thất Tùng

		Đường Tôn Thất Tùng	Hết Nhà trẻ Đội 3 Nông trường 1
		Hết Nhà trẻ Đội 3 Nông trường 1	Ngã 3 buôn Êcăm
12	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp Trung tâm GDTX huyện
13	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Chí Thanh
14	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Chí Thanh
15	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Chí Thanh
16	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Chí Thanh
17	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	Đường Chu Văn An
18	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Đường Chu Văn An
19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Hùng Vương	Đường Chu Văn An
20	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	Đường Chu Văn An
21	Đường YJút	Đường Hùng Vương	Đường Chu Văn An
22	Đường Phan Đình Giót	Đường Hùng Vương	Đường Chu Văn An
23	Đường Ngô Quyền	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Đình Chiểu
24	Đường Hai Bà Trưng	Đường NguyễnThị Minh Khai	Đường Phạm Hồng Thái
25	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hai Bà Trưng
26	Đường Nguyễn Chánh	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hai Bà Trưng
27	Đường Phạm Sĩ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hai Bà Trưng
28	Đường Y Ngông	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Phạm Hồng Thái
29	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Nơ Trang Gưh	Đường Hai Bà Trưng
30	Hẻm Võ Thị Sáu	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Thị Minh Khai
31	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Hưng Đạo
32	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Quý Đôn
33	Đường Lê Quý Đôn	Đường Ngô Quyền	Đầu ranh giới thôn 2
34	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hoàng Diệu
		Đường Lý Thường Kiệt	Đường Mai Hắc Đế
		Đường Mai Hắc Đế	Đường Cao Thắng
35	Tỉnh lộ 2	Giáp xã EaBông	Hết Bến xe khách
		Hết Bến xe khách huyện	Ngã 3 Hồ Sen
36	Đường nội thị	Tỉnh lộ 2	Hết nhà văn hoá thôn Quỳnh Tân 3
	Đường nội thị	Hết nhà văn hoá thôn Quỳnh Tân 3	Ranh giới xã Băng Adênh
37	Các đường giao với Tỉnh lộ 2, nhánh Tỉnh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (trừ các đường đã có ở phần trên)		
38	Khu vực còn lại		
II	Xã Drây Sáp		
1	Tỉnh lộ 2	Giáp thành phố Buôn Ma Thuột	Giáp xã EaNa
2	Đường đi buôn Kuốp 2	Ngã 3 giáp Trụ sở Thôn Drây Sáp	Ngã 3 An Na
3	Đường liên xã	Ngã 3 thôn An Na	Giáp xã EaNa
4	Đường thôn Đồng Tâm	Giáp Trụ sở Thôn Drây Sáp	Giáp xã Hoà Phú (Buôn Ma Thuột)

5	Khu vực chợ Dây Sáp	Giáp Trụ sở Thôn Dây Sáp	Tỉnh lộ 2 mới (hướng đi Buôn Trấp)
6	Khu dân cư còn lại		
III	Xã EaNa		
1	Tỉnh lộ 2	Đèo Ea Na (giáp xã Dây Sáp)	Ngã 3 Trường Nguyễn Trãi
		Ngã 3 Trường Nguyễn Trãi	Hội trường thôn Tân Lập
		Hội trường thôn Tân Lập	Ngã 3 Nhà thờ Quỳnh Ngọc
		Ngã 3 Nhà thờ Quỳnh Ngọc	Bưu Điện Buôn Tor
		Bưu Điện Buôn Tor	Ngã 3 (lên đồi 556)
		Ngã 3 (lên đồi 556)	Giáp xã Ea Bông
2	Đường liên xã	Tỉnh lộ 2	Giáp xã Đ'ráy Sáp
3	Đường liên thôn	Ngã 3 Ea Tung (Đài tưởng niệm)	Hội trường thôn Tân Thắng
		Hội trường thôn Tân Thắng	Ngã 3 đường vào Buôn Draí
4	Đường liên thôn	Ngã 3 tỉnh lộ 2 (chợ Quỳnh Ngọc)	Hết thôn Quỳnh Ngọc
		Hết thôn Quỳnh Ngọc	Hết Trụ sở thôn Quỳnh Ngọc 1
		Hết Trụ sở thôn Quỳnh Ngọc 1	Giáp bờ sông Krông Ana
5	Khu dân cư còn lại		
IV	Xã EaBông		
1	Tỉnh lộ 2	Giáp xã Ea Na	Bưu điện Văn hoá xã Ea Bông
		Bưu điện Văn hoá xã Ea Bông	Hết chợ cũ Ea Bông
		Hết chợ cũ Ea Bông	Hết ranh giới đất Trụ sở UBND xã Ea Bông
		Hết ranh giới đất Trụ sở UBND xã Ea Bông	Giáp Thị trấn Buôn Trấp
2	Tỉnh lộ 10	Ngã 3 Công ty cà phê Krông Ana (Tỉnh lộ 2)	Hết Buôn Kô
	Tỉnh lộ 10	Hết Buôn Kô	Giáp ranh huyện Cư Kuin
3	Khu dân cư còn lại		
V	Xã Bắg Adênh		
1	Đường giao thông liên xã	Giáp thị trấn Buôn Trấp	Ngã 3 Công ty SXKDTH
		Ngã 3 Công ty SXKDTH	Ngã 3 Buôn K62
2	Đường giao thông liên xã	Ngã 3 Buôn K62	Ngã 3 Dốc 1 (giáp xã Dur Kmăl)
3	Đường giao thông liên xã	Ngã 3 cây Hương	Giáp ranh xã Dur Kmăl
4	Khu dân cư còn lại		
VI	Xã Dur Kmăl		
1	Đường giao thông liên xã	Giáp xã Bắg Adênh	Trụ sở UBND xã Dur Kmăl
2	Đường giao thông liên xã	Ngã 3 buôn Dur	Giáp ranh xã Quảng Điền
3	Đường giao thông liên xã	Ngã 3 buôn Dur	Chân đèo Buôn Triết
4	Khu dân cư còn lại		
VII	Xã Bình Hoà		

1	Tỉnh lộ 2	Cầu Bệnh viện (Giáp thị trấn Buôn Trấp)	Hết ranh giới đất Trại sở Hợp tác xã Quảng Đà
		Hết ranh giới đất Trại sở Hợp tác xã Quảng Đà	Giáp xã Quảng Điền
2	Đường vào Quảng Điền	Cầu Bệnh viện	Đèo Cư Mbao (giáp xã Quảng Điền)
3	Khu dân cư còn lại		
VIII	Xã Quảng Điền		
1	Đường Tỉnh lộ 2	Giáp ranh xã Bình Hòa	Hết Chợ Điện Bàn
2	Đường giao thông liên xã	Chân Đèo Cư Mbao	Hết Chợ Cây Cóc
3	Khu dân cư còn lại		

BẢNG 11: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG NĂNG NĂM 2010

(Kèm theo Quyết định số: 42 /2009/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
I	Thị trấn Krông Năng			
1	Hùng Vương (đi xã Phú Lộc)	Nguyễn Tất Thành (Ngã tư TT)	Ngô Quyền	1,700,000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	1,100,000
		Lê Thánh Tông	Cầu đập Đông Hồ	500,000
2	Hùng Vương (đi xã Phú Xuân)	Nguyễn Tất Thành (Ngã tư TT)	Tuệ Tĩnh	1,700,000
		Tuệ Tĩnh	Trần Phú (Ngã ba)	1,200,000
3	Hùng Vương (đi huyện Ea Kar)	Trần Phú (Ngã ba)	Hết trường TH Buôn Weo	500,000
		Trường tiểu học Buôn Weo	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Bốn Minh	300,000
4	Khu vực chợ xã Krông Năng cũ	Nhà ông Bốn Minh (Chợ)	Hết vườn Nhà ông Tới	400,000
		Nhà ông Tới	Cầu Phú Xuân (Hết ranh giới T.Trần)	150,000
5	Nguyễn Tất Thành (đi xã Tam Giang)	Hùng Vương (Ngã tư TT)	Trần Cao Vân	2,000,000
		Trần Cao Vân	Nguyễn văn Trỗi	1,700,000

		Nguyễn văn Trỗi	Ngã đường vào Buôn Weo	900,000
		Ngã đường vào Buôn Weo	Cầu Buôn Weo	300,000
		Cầu Buôn Weo	Cầu Tam Giang (giáp Xã Tam Giang)	100,000
6	Nguyễn Tất Thành (đi TX Buôn Hồ)	Hùng Vương (Ngã tư TT)	Tôn Đức Thắng	2,000,000
		Tôn Đức Thắng	Ngã 3 đường vào nghĩa trang Liệt sỹ huyện	1,500,000
7	Tôn Đức Thắng	Ngã 3 đường vào nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Hết ranh giới thị trấn (giáp Xã EaHô)	600,000
		Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	500,000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	400,000
		Lê Thánh Tông (nhà ô. Nghĩa T.kê)	Võ Thị Sáu	250,000
8	Võ Thị Sáu	Tôn Đức Thắng	Trần Hưng Đạo	120,000
		Nguyễn Tất Thành	Trần Phú	500,000
9	Trần Phú	Tôn Đức Thắng	Hùng Vương (đi Ea Kar)	350,000
10	Lê Thành Tông	Tôn Đức Thắng	Hùng Vương (đi Phú Lộc)	300,000
11	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	400,000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	300,000
		Nguyễn Tất Thành	Trần Phú	400,000
12	Tuệ Tĩnh	Hùng Vương	Lê Thánh Tông	300,000
13	Phan Bội Châu	Hùng Vương	Lê Thánh Tông	240,000
14	Huỳnh Thúc Kháng	Giáp đường Hùng Vương (- 50m)	Giáp đường Lê Duẩn	350,000
		Lê Duẩn	Tôn Đức Thắng	200,000
15	Phan Đình Phùng	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	300,000
		Trần Hưng Đạo	Lê Thánh Tông	250,000
		Nhà ông Huân Trường Nội trú	Nhà ông Chương (khối 1)	200,000
16	Ngô Quyền	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	300,000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	250,000
		Hùng Vương	Nguyễn Văn Trỗi	300,000
17	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	350,000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	300,000
		Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	230,000
18	Y Jút	Nguyễn Tất Thành	Phan Đình Phùng	600,000
		Nguyễn Tất Thành	Tuệ Tĩnh	400,000
19	Nơ Trang Long	Nguyễn Tất Thành	Lê Thánh Tông	350,000
		Nguyễn Tất Thành	Phan Bội Châu	350,000
20	Trần Cao Vân	Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 nhà ông Mỹ Mặt trấn TTTrần	400,000
21	Lê Duẩn	Nguyễn Tất Thành	Nhà ông Bắc Cao su	350,000
		Nguyễn Tất Thành	Nhà ông Sơn Huyện ủy	400,000

22	Nguyễn Du	Hùng Vương	Nơ Trang Lơng	250,000
23	Phan Chu Trinh	Hùng Vương (nhà ô. Hoàng Phương)	Tôn Đức Thắng (Nhà ô. Quyền CTĐ)	150,000
		Hùng Vương (Nhà ông Tuấn)	Nguyễn Văn Trỗi (Nhà ô. Đán)	150,000
24	Phan Đăng Lưu	Hùng Vương (nhà ông Thu lái xe)	Đường nhà ông Kiêm	150,000
		Hùng Vương (nhà ô. Thành thuế)	Nhà ông bằng khối 1	150,000
		Nhà ông Toàn công an	Ngã tư vườn Ống vinh TTGDTX	200,000
		Nhà ông Sinh	Nhà ông Đặng (Khối 1)	150,000
25	Nguyễn Viết Xuân	Nhà ông Hồng giáo viên	Nhà ông Đặng (Khối 1)	150,000
26	Các đường nội bộ thị trấn	Đường phía sau Ngân Hàng Chính Sách huyện	Sau trạm Thú y huyện (nhà ông Dự)	300,000
		Hội trường Khối 2	Kho bạc huyện	400,000
		Nhà Huy Loan (Mẫu giáo)	Hết tường rào Huyện đoàn	350,000
		Tất Thành (Nhà Ông Hoàng Vinh)	Tường rào Phan Bội Châu	350,000
		Tất Thành (Hàng rào Tr.Ng.V.Trỗi)	Nhà ông Nhâm VKS	200,000
		Tất Thành (Nhà Hiền Hiền)	Tường rào Bệnh viện	300,000
		Tất Thành (Ngã ba nhà ông Phi Linh)	Đất ông Hữu	350,000
27	Khu dân cư còn lại của Thị trấn (trừ các thôn, Buôn: Bình Minh, Buôn Weo B, Buôn Ur)			100,000
28		Các tuyến đường còn lại thuộc Thôn Bình Minh		40,000
29		Các tuyến đường còn lại thuộc Buôn Weo A Buôn Weo B, Buôn Ur		60,000
II	Xã Ea Hồ			
1	Đường đi Buôn Hồ, Krông Năng	Ngã 3 Giáp ranh với huyện Krông Búk	Trạm xá Xã Ea Hồ	250,000
		Trạm xá Xã Ea Hồ	Ngã 3 đi Ea Tóh	500,000
		Ngã 3 đi Ea Tóh	Ngã 3 Cây xăng số 15	350,000
		Ngã 3 Cây xăng số 15	Hết ranh giới xã Ea Hồ đi Krông năng	250,000
		Cây xăng số 15	Xưởng chế biến Công ty cao su	250,000
		Ngã 3 (Giáp ranh với huyện Krông Búk)	Nghĩa địa thôn 4 xã Ea Đê	250,000
2	Đường đi Xã Ea Tóh	Ngã 3 đi Ea Tóh	Ngã 3 đi Buôn Giêr	250,000
		Ngã 3 đi Buôn Gir	Hết ranh giới Ea Hồ (giáp Ea Tóh)	150,000
3	Đường đi Xã Ea Drông	Ngã 3 Ea Hồ đi Xã Ea Drông	Ngã 3 Buôn Elê	250,000
		Ngã 3 Buôn Elê	Giáp Xã Ea Drông	150,000
4	Khu dân cư còn lại			40,000

III	Xã Phú xuân			
1	Đường tỉnh lộ 3	Ngã 3 thôn Xuân Thuận (Nhà Mẹ Ràng)	UBND xã Phú Xuân	160,000
		UBND xã Phú Xuân	Chợ xã Phú Xuân (giáp Rừng già)	290,000
		Chợ xã Phú xuân (giáp Rừng già)	Cây xăng Diệu Hóa (hết vườn nhà Ô Hóa)	160,000
		Ngã 3 thôn Xuân Thuận (Nhà Mẹ Ràng)	Ngã 3 thôn Xuân Vĩnh	160,000
		Phần còn lại hai bên trục đường tỉnh lộ 3		130,000
		Cây xăng Diệu Hóa	Hết ranh giới đất vườn Nhà Ô. Lê Văn Ván (đi Sông Krông Năng)	130,000
2	Khu vực công ty 49	Trung tâm chợ về 2 phía , mỗi phía 100mét trên trục đường tỉnh lộ 3		290,000
		Trung tâm Công ty về 2 phía , mỗi phía 300 mét trên trục đường tỉnh lộ 3		230,000
		Ngã 3 cây xăng ông Lánh trục đường 2C	Xã Ea Drông	100,000
3	Các khu dân cư còn lại của Xã			50,000
IV	Xã Ea Tóh			
1	Đường trục chính Liên xã đi Xã EaHô	Km 0 (UBND xã)	Hết ranh giới đất vườn nhà Ông Nguyễn	500,000
		Nhà Ông Nguyễn	Hết ranh giới đất vườn nhà Ông Nghĩa	300,000
		Nhà Ông Nghĩa	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông chỉ thôn Tân Phú	220,000
		Nhà ông chỉ thôn Tân Phú	Hết vườn Nhà ông ần Thôn Tân Lộc	200,000
2	Đường trục chính Liên xã đi Xã Diêya	Km 0 (UBND xã)	Ngã tư đi Ea Tam, Buôn Kai	550,000
		Ngã tư đi Ea Tam, Buôn Kai	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Chín	350,000
		Nhà ông Chín	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Châu	250,000
		Nhà ông Châu	Hết ranh giới đấtvườn Nhà ông Luyện	150,000
		Phần còn lại trên trục đường liên xã Ea Hô - Diêya		150,000
3	Đường đi xã Phú Lộc	Ngã 3 Ea Tóh (Nhà ô. Quỳnh)	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Thuận	300,000
		Nhà ông Thuận	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Thao	200,000
		Nhà ông Thao	Đến giáp ranh giới xã Phú Lộc	100,000

4	Đường đi xã Ea Tam	Km 1 (Ngã tư)	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Thanh	200,000
		Nhà ông Thanh	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Hùng	120,000
		Nhà ông Hùng	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Hường	80,000
5	Đường đi Buôn Kai	Ngã tư đi Ea Tam, Buôn Kai	Giáp vườn nhà Bà Ngán	200,000
		Giáp vườn nhà Bà Ngán	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Trình	100,000
		Nhà ông Trình	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Bảy	80,000
6	Đường Liên thôn	Cấp dọc lộ ông Dĩnh thôn Tân Hà	Đi đến gã 3 nhà ông Mỹ thôn Tân Hà	100,000
		Ngã 3 nhà ô. Hiền (Tân Hợp)	Nhà ô. Thao (Tân Hợp)	100,000
7	Khu dân cư thôn Tân Quảng, Tân Hà, Tân Hợp, Tân Thành			70,000
8	Các khu dân cư còn lại			50,000
V	Xã Tam Giang			
1	Đường trục chính	Km 0 (Ngã 4 - Nhà Ông Vũ)	Km 0+600 (Ngã 3 Trường cấp 1 Tam giang 2)	250,000
		Km 0 (Ngã 4 - Nhà Ông Vũ)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Nguyễn Thức (Đi xã Ea Púk)	180,000
		Từ điểm 300m	Suối EaĐá	80,000
		Km 0 (Ngã 4 - Nhà Ông Vũ)	Hết ranh giới đất vườn nhà Vinh (Đường đi Phú Yên)	180,000
		Trụ sở Nông trường cao su	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Nghĩa	120,000
		Trụ sở Nông trường cao su	Ngã 3 vào Bãi rác	60,000
		Nhà ông Nghĩa	Ngã 3 thôn Giang Hà	60,000
		Trụ sở Nông trường cao su	Ngã 3 trường cấp 1 Tgiang 2	50,000
		Trường cấp 1 Tgiang 2	Ngã 3 thôn Giang Hoà	50,000
		Km 0 (Ngã 4 - Nhà Ông Vũ)	Ngã 4 thôn Giang Nghĩa	50,000
		Ngã 4 nhà ông Thịnh	Ngã 3 nhà ông Chạy thôn Giang Nghĩa	50,000
		Nhà Ông Phùng	Đường Đắc Lắc Phú Yên	50,000
2	Các khu vực khác còn lại			40,000
VI	Xã EaTam			

1	Đường trục chính	Ngã 4 Tam thịnh Tam An	Hồ Ea Tam	150,000
		Ngã 4 Tam thịnh Tam An	Giáp xã Ea Puk	80,000
		Ngã 4 Tam thịnh Tam An	Ngã 3 đường rẽ Buôn Chít	100,000
		Cổng trường Hoàng văn Thu	Nhà Ông La Khánh Sự (giáp đường)	100,000
		Trường Tiểu học Tam Trung	Ngã 3 nhà ông Hà Sỹ Tôn	150,000
		Ngã 3 nhà ông Hà Sỹ Tôn	Cầu ngầm Ea Tam - Ea Tóh	100,000
		Từ Trường TH Tam Trung	Ngã 3 Tam Lực- Tam Liên	100,000
		Ngã 3 Tam Lực-Tam Liên	Ngã 3 nhà ô Phai đi Xã Cư Klông+300m	70,000
		Nhà ông Thôn (Tam Lập)	Ngã 3 nhà ông Phai (Tam lập)	50,000
		Ngã 3 đường rẽ Buôn Chít	Chân dốc đá	50,000
		Hồ Ea Tam	Ngã 3 Tam Lập	500,000
		Ngã 3 Tam Lập	Hết vườn Nhà ông Thôn (Tam Lập)	100,000
2	Khu dân cư xung quanh Chợ			100,000
3	Các khu vực dân cư			30,000
VII	Xã Phú Lộc			
1	Tuyến Đ/chính thuộc K.V TT. Xã	Ngã 4 lô I	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Nguyễn Ân xăng dầu.	350,000
		Nhà ông Nguyễn Ân xăng dầu.	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Sim	300,000
		Ngã 4 lô I	Cây xăng ông Viên (hết vườn)	350,000
		Cây xăng ông Viên	Ngã 3 UBND Xã	300,000
		Ngã 4 lô I	Trạm điện	350,000
		Ngã 4 nhà ông Bộ	Trường Mẫu giáo	300,000
		Trường Mẫu giáo	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Châu	250,000
		Từ Trạm Điện (biển áp)	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Minh	200,000
		Nhà ông Châu	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Minh	200,000
		Trường Mẫu giáo	Hết ranh giới đất vườn Nhà bà Tuyên	150,000

2	Đường liên xã đi EaToh	Ngã 3 UBND Xã	Ngã tư Nhà ông Được	200,000
		Ngã tư Nhà ông Được	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trần Văn Tuấn	150,000
		Nhà ông Trần Văn Tuấn	Giáp Xã Ea Tóh	100,000
		Đập Đông hồ	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Thành	200,000
		Ngã 3 ông Sim	Nhà trẻ thôn Lộc Thịnh	100,000
3	Các khu dân cư còn lại	Ngã 4 lô I Cao su	Trường TH Phú Lộc 1	250,000
				50,000
1	Đường trục chính	Ngã 3 trung tâm xã	Thôn Tam Hà (Hết ranh giới đất vườn Nhà ô. Mến)	150,000
		Ngã 3 trung tâm xã	Thôn Tam Khánh (Hết ranh giới đất vườn Nhà ô. Lực)	150,000
		Ngã 3 trung tâm xã	Thôn Tam Bình (Hết vườn Nhà ô. Dũng)	150,000
2	Đường đi Ea Tam	Nhà ông Dũng thôn Tam Bình	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Công thôn Tam Bình	60,000
		Nhà ông Công thôn Tam Bình	Ngã 4 đầu dốc Tam Bình	50,000
		Ngã 4 đầu dốc Tam Bình	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Khách xóm 4	50,000
3	Đường đi Tam Thuận	Ngã tư Tam Thuận- Tam Bình	Ngã 3 thôn Tam Khánh	50,000
		Ngã 3 nhà ông Cường	Cầu 135 thôn Tam Thuận	40,000
4	Đường đi Tam Khánh	Nhà ông Lực Thôn Tam Khánh	Ngã 3 dưới nhà ông Hợp	50,000
5	Đường Thôn Tam Hà	Nhà ông Mến	Ngã 3 rẽ vào khu rừng phòng hộ	50,000
		Ngã 3 rẽ vào khu rừng phòng hộ	Ngã tư rẽ đi thôn Tam Hợp	40,000
6	Các khu vực khác còn lại			30,000
1	Đường trục chính đi	Từ ngã 3 Trung tâm xã (Ồ. Triệu xăng dầu)	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Chung Liễu	350,000
		Nhà Chung Liễu	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Trường	250,000
		nhà Ông Trường	Trường THCS Trần Phú	200,000
		Trường THCS Trần Phú	Ngã 3 Thống Nhất	170,000

		Ngã 3 Thống Nhất	Hội trường thôn Thống Nhất	100,000
		ngã 3 Trung tâm xã (Triệu xăng dầu)	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Khoa	350,000
		Từ nhà ông Khoa	Hết ranh giới đất vườn Nhà thầy Hùng	250,000
		Nhà thầy Hùng	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Sáu Hoà	200,000
		Nhà ông Sáu Hoà	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Thiệu	100,000
		Từ ngã 3 Trung tâm xã (Ồ. Triệu xăng dầu)	Trường TH Nguyễn Văn Bé	350,000
		Trường TH Nguyễn Văn Bé	Ngã 3 Thôn Ea Blông, bắc trung	200,000
		Ngã 3 Thôn Ea Blông, bắc trung	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Đảm	100,000
		Ngã 3 nhà ông Quyết	Ngã 3 Yên khánh, Ea Heo	150,000
		Ngã 3 Quán Hương châu	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Văn	200,000
		Cây xăng Minh Dự	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Quang	250,000
		Cây xăng Thắng Thành	Đường trước Nhà ông Quang	150,000
		Nhà ông Quang	Hết ranh giới đất vườn Nhà Phát Tá	200,000
		Ngã 4 cổng chào thôn Đoàn Kết	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Khánh	150,000
2	Phần còn lại trên đường liên Xã đi Diên्या			80,000
3	Khu dân cư thôn Đoàn Kế, Hải Hà			60,000
4	Các khu dân cư còn lại của Xã			50,000
X	Xã Diên्या			
1	Đường trục chính	Ngã 4 TT xã (H.thuốc Bà Nhót)	Ngã 3 cây xăng Quý Điều	400,000
		Ngã 4 TT xã (H.thuốc Bà Nhót)	Ngã 4 nhà Bà Thảo	400,000
		Ngã 4 TT xã (H.thuốc Bà Nhót)	Ngã 3 Lợi Bích	400,000
		Ngã 4 TT xã (H.thuốc Bà Nhót)	Cửa hàng HTX Diên्या	300,000
		Ngã 3 xăng dầu Quý Điều II	Ngã 3 Trường A ma trang Lơng	250,000
		Ngã 3 trường Ama Trang Lơng	Ngã 3 đội 2	150,000
		Ngã 3 xăng dầu Quý Điều II	Nhà văn hoá Buôn Kmang	200,000
		Nhà văn hoá Buôn Kmang	Giáp xã Ea Tân	80,000

		Ngã 3 Lợi Bích	Tháp nước sạch 100m	250,000
		Ngã 3 Lợi Bích	Ngã 3 gần cầu A Ma Khun	400,000
		Ngã 3 gần cầu Ea Toa	đến giáp Xã EaToh	100,000
		Ngã 4 bà Thảo Nguyên	Ngã 4 nhà ông Ama Điep (ngân)	200,000
		Ngã 4 bà Thảo Nguyên	Ngã 4 Cẩm Linh	300,000
		Ngã 4 bà Thảo Nguyên	Niệm phật đường	100,000
		Ngã 4 nhà ông Ama Điep (ngân)	Ngã 3 gần cầu Ama Khun	150,000
		Ngã tư nhà Thao lục	Ngã 4 nhà ông Ama Điep (ngân)	250,000
2	Khu dân cư còn lại			40,000
XI	Xã Ea Púk			
	Đường trục chính	Từ trung tâm Xã (UBND Xã)	Ra mỗi bên 200m	120,000
1		Từ Trạm Y Tế Xã	Nhà ông Tuyển (đi vào thác)	50,000
2	Đường liên Xã	Từ ngã ba (đường vào thác)	Nhà ông Thanh (đi UBND Xã)	120,000
		Từ ngã ba (đi xã Ea Tam)	Nhà ông cảm	120,000
		Từ ngã ba (đi xã Tam Giang)	Nhà ông Luật	120,000
3		Phần còn lại trên các trục đường chính thuộc quy hoạch trung tâm xã		80,000
4	Các khu dân cư còn lại			40,000
XII	Xã Ea Dăh			
1	Đường trục chính	Từ Trung tâm xã (UBND Xã)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Nhã	90,000
		Từ Trung tâm xã (UBND Xã)	Giáp chân đập Ea Tót	90,000
		Từ Trung tâm xã (UBND Xã)	Đất Công ty cao su Krông Búk (đi T.Giang)	90,000
		Các trục đường chính còn lại thuộc trung tâm Xã		35,000
2	Khu Minh Hà	Nhà ông Ngô Tường Sáng	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Đình Thanh Chương	60,000
		Nhà ông Đình Tiến Sỹ	Hết ranh giới đất vườn Nhà ông Cao kỳ Tuyết	50,000
		Nhà ông Đình Quang Hạ	Hết tuyến đường	40,000
		Từ Xuân Hà 2	Xuân Hà 1 (Sông Krông Năng)	40,000

		Phần còn lại trên các trục chính thuộc quy hoạch khu dân cư TT xã	35,000
3	Các khu dân cư còn lại của Xã		30,000

BẢNG SỐ 12: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG PÁK NĂM 2009
 (Kèm theo Quyết định số: 42 /2009/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Krông Pák)

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG	
		Từ	Đến
I	Thị trấn Phước An		
1	Giải Phóng	Ranh giới xã Hòa An	Hoàng Hoa Thám
		Hoàng Hoa Thám	Trần Hưng Đạo
		Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Trỗi
		Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Chí Thanh
		Nguyễn Chí Thanh	Y - Jút (xã B'Chh)
2	Trần Hưng Đạo	Giải Phóng	Ranh giới xã B'Chh
	(Tỉnh lộ 9 đi Krông Bông)		
3	Đường Quang Trung	Trần Hưng Đạo	Nơ Trang Long
		Nơ Trang Long	Lê Duẩn
		Lê Duẩn	Nguyễn Chí Thanh
4	Lê Duẩn		
		Giải Phóng	Quang Trung
		Quang Trung	Xô Viết Nghệ Tĩnh
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Chí Thanh
		Giải Phóng	Nguyễn Thị Minh Khai
		Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Phú

		Trần Phú	Lê Lợi
		Lê Lợi	Nguyễn Văn
5	Nguyễn Chí Thanh	Trần Phú	Quang Trung
		Quang Trung	Xô Viết Nghệ
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Lê Duẩn
		Lê Duẩn	Nơ Trang L
6	Phan Bội Châu	Giải phóng	Quang Trung
7	Lê Hồng Phong	Giải phóng	Quang Trung
		Quang Trung	Xô Viết Nghệ
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nghĩa địa (T
8	Nơ Trang Long	Giải Phóng	Quang Trung
		Quang Trung	Xô Viết Nghệ
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ranh giới x
9	Võ Thị Sáu	Giải Phóng	Nguyễn Thị
10	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Duẩn	Nguyễn Văn
11	Trần Phú	Lê Duẩn	Ngô Quyền
		Ngô Quyền	Y - Jút (xã E
		Ngã tư Lê Duẩn	Hết đường
12	Tiên Hoàng	Sân Vận Động	Ngô Quyền
		Ngô Quyền	Y - Jút (xã E
13	Ngô Quyền	Giải Phóng	Trần Phú
		Trần Phú	Lê Lợi
		Lê Lợi	Hết đường
14	Phan Chu Trinh	Chu Văn An	Lý Thường
		Lý Thường Kiệt	Hết đường
15	Y - Jút	Giải Phóng	Trần Phú
		Trần Phú	Đào Duy Từ

		Đào Duy Từ	buôn Pan x
		Giải Phóng	Ea Yông
16	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Chí Thanh	Lê Duẩn
		Lê Duẩn	Lê Hồng Ph
		Lê Hồng Phong	Hết đường
17	Lý Thường Kiệt	Lê Duẩn	Nguyễn Chí
		Nguyễn Chí Thanh	Phan Chu T
18	Khu Trung Tâm Thương Mại		
19	Đào Duy Từ	Tú Xương	Y Jút
20	Lê Lợi	Lê Duẩn	Y Jút
21	Tú Xương	Trần Phú	Hết đường
22	Hoàng Hoa Thám	Giải Phóng	Trần Hưng
23	Nguyễn Thượng Hiền	Hoàng Hoa Thám	Trần Hưng
24	Nguyễn Lương Bằng	Trần Hưng Đạo	Lê Hồng Ph
25	Chu Văn An	Ngô Quyền	Đường ra S
		Từ đường ra sân vận động	Nguyễn Chí
26	Bùi Thị Xuân	Giải Phóng	Nguyễn Chí
27	Nguyễn Viết Xuân	Quang Trung	Xô Viết Ngh
28	Nguyễn Văn Trỗi	Giải phóng	Nguyễn Thị
		Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Duẩn
29	Nguyễn Trãi	Nguyễn Chí Thanh	Lê Duẩn
30	Đất ở dân cư khu Trung tâm thị trấn	Đường rộng $\geq 4m$	
		Đường rộng $\leq 4m$	
		Phạm vi khu Trung tâm (Bao gồm : Mặt tiền hai bên đ	
		đường Trần Phú đường Lê Duẩn, đường Nguyễn Thị	
		Giải Phóng, Trần Hưng Đạo, theo đường Quang Trung	
		Lơng, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, đường Lê Duẩn the	
		Trung, Nguyễn Chí Thanh, theo đường Lý Thường K	
		Chu Trinh, đến đường Giải Phóng kéo dài đến ngã 4	

31	Đất ở khu vực còn lại của thị trấn Phước An	Đường nội thị rộng >4m	
		Đường rộng nội thị <=4m	
		Đường còn lại >4m	
		Đường còn lại <=4m	
II	Xã Ea Phê		
1	Quốc lộ 26	Ranh giới xã Hòa An	Trường TH
		Trường TH Trần Quốc Toàn	Cổng thủy lợi
		Cổng thủy lợi cấp I	Cổng ông C
		Cổng ông Cừ	Cầu Buôn F
		Cầu Buôn Phê	Đầu vườn n
		Đầu vườn nhà ông Trịnh Văn Nhất	Đầu vườn n
		Đầu vườn nhà ông Dương Văn Thuận	Đường vào
		Đường vào chợ 42	Cầu Krông l
2	Đường vào hồ Krông Búk hạ	Quốc lộ 26	Cầu thủy lợi
		Cầu thủy lợi cấp I	Cổng trường
		Cổng trường cấp II Ea Phê	Hồ Krông B
3	Đường liên thôn (Phước Trạch)	Quốc lộ 26 (cổng thủy lợi cấp 1)	Đầu vườn n
		Đầu vườn nhà ông Phan Thắng	Cầu Phước
		Cầu Phước Trạch II	Ranh giới x
4	Đường liên thôn (vào Buôn Phê)	Quốc lộ 26	Cầu thôn 6
		Cầu thôn 6	Cổng trường
		Cổng trường TH Kim Đồng 1	Cầu Lâm ng
5	Khu vực xung quanh chợ lồng, 12 ki ốt phía trước chợ rau		
6	Khu vực sau chợ lồng, khu dân cư thôn 4 B		
7	Khu dân cư còn lại		
III	Xã Ea Yông		
1	Quốc lộ 26	Ngã 4 Ea Yông	Cổng Quận
		Cổng Quận 10 Công ty cà phê Phước	Ranh giới x

		An	
2	Đường liên xã	Ngã 4 Êa Yông	Đường Trần
		Ngã 3 Trần Phú	Ngã tư Đào
		Ngã tư Đào Duy Từ	Hợp tác xã
		Ngã 4 Êa Yông	Ngã 3 thôn
		Ngã 3 thôn Tân Tiến	Hợp tác xã
		Hợp tác xã Êa Yông A	xã Hoà Tiến
3	Đường liên thôn	Quốc lộ 26	Đội 19 thôn
		Ngã 3 quốc lộ 26	Đội Quận 1
		Ngã 3 quốc lộ 26	Hội trường
		Ngã 3 quốc lộ 26	Thôn 19/8 +
		Ngã 3 quốc lộ 26	Phía Tây tru 300m
4	Đường liên thôn	Ngã 3 quốc lộ 26	Đi buôn Jun
		Hội trường Phước Thành	Hội trường
		Quốc lộ 26 (nhà ông Hoà)	Vào 300m
		Quốc lộ 26 (nhà bà Ninh)	Vào 300m
5	Khu dân cư còn lại		
IV Xã Hoà An			
1	Tỉnh lộ 9 đi Krông Bông	Ranh giới thị trấn Phước An	Ngã 3 thôn
		Ngã 3 thôn 1	Rẽ vào ngã
		Ngã 3 Êa Hiu	xã Hòa Tiến
2	Quốc lộ 26	Ranh giới thị trấn Phước An	Km 34 + 36
		Km 34 + 36 m	Km 34+326
		Km 34+326m	xã Êa Phê
3	Đường Buôn Kam Rưng	Quốc lộ 26	Trung tâm b
		Trung tâm buôn	Vào sân vận
		Vào sân vận động xã	Đi tỉnh lộ 9

4	Đường thôn 6	Quốc lộ 26	Ngã 4 thôn
		Ngã 4 (nhà ông Đức)	Đầu vườn n
		Đầu vườn nhà ông Dũng	Đầu vườn n
		Đầu vườn nhà ông Nguyễn Kim Tàn	Đi ra thôn 8
5	Đường đi Ea Hiu	tỉnh lộ 9	Cổng thôn v
		Tân thành	Ranh giới x
6	Đường đi Tân Lập	Tỉnh lộ 9	Ngã 4 vào T
		Đường thôn 1	Cuối đường
7	Khu vực còn lại		
8	Giá đất khu thương mại (chợ)	Khu chợ lồng	
		Khu xây dựng mặt trước	
		Khu xây dựng mặt sau	
V	Xã Vụ Bản		
1	Đường liên xã	Trụ Sở UBND xã	Ngã 3 thôn
		Ngã 3 thôn Phước Quý	Cầu suối N
		Cầu suối Nước trong	Ngã 3, C 12
		Ngã 3 thôn 9	huyện Krông
2	Đường liên xã	Trụ Sở UBND xã	Ngã 3 đườn
		Ngã 3 đường đi Nông Trường 719	Đập C 10, M
		Ngã 3 đường đi Nông Trường 719	Cầu suối M
3	Đường liên xã	Trụ Sở UBND xã	Km 0 + 500
		Km 0 + 500m thôn Thăng Quý	Cầu suối N
		Khu Trung Tâm chợ	
4	Khu dân cư còn lại		
VI	Xã Tân Tiến		
1	Tỉnh lộ 9 đi Krông Bông	Đường vào Nghĩa địa xã	Ranh giới h
		Cổng Trung Tâm GDLDXH	Đường vào
		Cầu buôn Kniêr	Cổng Trung

		Ngã 3 Tân Tiến (km0)	Cầu buôn K
		Ngã 3 Tân Tiến (km0)	Km 0 + 100
		Km 0 + 100m (đi Hòa Tiến)	Đường vào
		Đường vào Nghĩa địa thôn 2	Ranh giới x
2	Đường liên xã	Ngã 3 Tân Tiến (km0)	Về phí C 18
		Cách ngã 3 xã 100m	Đường vào
		Đường vào C 180	xã Ea Uy
3	Đất ở khu dân cư Ea Dra		
4	Khu dân cư còn lại		
5	Trung tâm thương mại (chợ)		
VII	Xã Ea Hiu		
1	Đường liên xã	Từ cổng chào buôn Jắt A	Ranh giới x
		Cầu thủy lợi (gần nhà ông Đỗ Ngọc Chí)	Cầu thủy lợi
		Cầu thủy lợi (gần nhà ông Nguyễn Phò)	Đường đi T
2	Khu trung tâm xã	Từ ngã 3 xã	Đầu vườn m
3	Khu dân cư còn lại		
VIII	Xã Ea Kênh		
1	Quốc lộ 26	Ranh giới Ea Yông	Đường vào
		Đường vào thôn Tân Bắc	Cổng công
		Cổng công ty cà phê tháng 10	Công ty XN
		Công ty cà phê Nha Trang	Đường vào
		Đường vào buôn Ea Tir	Đường vào
		Đường vào buôn Kuail	Ranh giới x
2	Đường liên thôn	Đường Tân Bắc	Cổng thủy l
		Đường Tân Quảng	Hết Ea Tir
		Đường Tân Thành	Trạm điện É
3	Khu dân cư còn lại		
4	Chợ xã Ea Kênh		

IX	Xã Ea Kuăng		
1	Đường dọc Quốc lộ 26		
2	Đường liên xã	Ngã 3, (Km 0)	Km 0+90m
		Km 0+90m (nhà ông Đào Hữu Mạng)	Mương Thủy
		Mương thủy lợi (Phước Hòa)	Vào 2Km + Thụ)
		2Km + 400m (Trường Hoàng Văn Thụ)	Ngã 3 đường
		Ngã 3 đường đi xã Vụ Bản	Trường thôn
		Ngã 3 đường đi Vụ Bản (Cao Xuân Đào)	Trường thôn
3	Trung tâm thương mại (chợ)		
4	Khu dân cư còn lại		
X	Xã Krông Buk		
1	Quốc lộ 26	Ranh giới xã Êa Phê (Km 42)	Ngã 3 vào t
		Ngã 3 vào thôn 10	Đội thuế xã
		Đội thuế xã	Cổng Km 46
		Từ cổng Km 46	Km 47
		Km 47	Đường vào
		Đường vào mỏ đá Km 47	Km 49
		Km 49	Km 49 + 40
		Km 49 + 400m	Cầu 50 huy
2	Khu vực chợ xã (phía trong chợ)		
3	Khu vực sau chợ		
4	Khu dân cư còn lại		
XI	Xã Hoà Đông		
1	Quốc lộ 26	Từ cầu 19 (Êa Knuéc)	Đến hết 17/
		Từ 17/3 (vào Ri Be)	Ngã 3 đường
		Ngã 3 (vào 1/5)	Thành phố
		Thành phố Buôn Ma Thuột (500m)	Đến thành p
2	Đường liên thôn	Thôn Hoà Thành	Giáp buôn T

3	Đất ở khu dân cư còn lại		
XII Xã Ea Knuéc			
1	Quốc lộ 26	Từ cầu 19 (Ea Knuéc)	Ngã 3 Phước
		Ngã 3 Phước Hưng	Xã Ea Kênh
2	Khu chợ A		
3	Khu chợ B (phần còn lại)		
4	Đường liên thôn	Km 0 (Quốc lộ 26) vào buôn Riêng	Km 0 + 100m
		Km 0 + 100m (đường vào Buôn Riêng)	Vào buôn R
5	Đường vào Công ty 53	Quốc lộ 26	Km 0 + 200
		Km 0 + 200m (vào Buôn Enaih)	Cổng Tân H
		Cổng Tân Hoà 1	Công ty 53
	Đường vào Thôn 2	Quốc lộ 26	Hết đường
6	Khu dân cư còn lại		
7	Khu dân cư Tân Hưng-Tân Bình		
XIII Xã Ea Uy			
1	Đường liên xã	Km 0 (Ranh giới xã Tân Tiến)	Km 0 + 150
		Km 0 + 1500m (đầu vườn nhà ông Điện)	Ranh giới B
		Ranh giới Buôn Hằng 1B	Ranh giới x
2	Khu dân cư còn lại		
XIV Xã Ea Yêng			
1	Đường liên xã (đi Ea Uy)	Ranh giới xã Ea Uy	Cách Trung
		Cách Trung tâm 200m	Trung tâm
2	Khu vực Trung tâm		
3	Khu dân cư còn lại		
XV Xã Hoà Tiến			
1	Tỉnh lộ 9 đi Krông bông	Ranh giới Hòa An	Đầu vườn n
		Đầu vườn nhà ông Chuẩn	Đầu vườn n
		Đầu vườn nhà ông Nhac	Ranh giới x

2	Đường liên thôn	Ngã 3	Ngã 4 thôn
		Ngã 4 Thôn 2	Thôn 4a
		Thôn 4a	Ranh giới X
		Ngã 4 thôn 3	Cách các b
3	Khu Trung Tâm chợ		
4	Đường khu vực có mặt tiền đối diện chợ		
5	Khu dân cư còn lại		
XVI	Xã Ea Kly		
1	Quốc lộ 26	Cổng Km 46	Km 47
		Km 47	Đường vào
		Đường vào mỏ đá Km 47	Km 49
		Km 49	Km 49 + 40
		Km 49 + 400m (vào thôn Đồi đá)	Cầu Km 50
2	Đường vào Cty 719	Km 47 (QL 26)	Cổng thủy l
		Cổng thủy lợi đập A2	Ngã 3 thôn
		Ngã 3 thôn 7A	Cầu 13/c
		Cầu 13/c	Ngã 3 thôn
		Ngã 3 thôn 7A + 200m	Ranh giới x
		Ngã 4 Nông Trường 719	Ngã 4 thôn
		Ngã 3 Km 49	Hết thôn 17
		Hết thôn 17	Thôn 6
		Ngã 4 công ty 719	Cổng văn h
		Cổng văn hoá thôn 6	Thôn 9A
3	Chợ Ea Kly (Đường quanh chợ lồng)		
4	Khu dân cư còn lại		

BẢNG SỐ 13: GIÁ Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LẮK NĂM 2010
 (Kèm theo Quyết định số 42/2009/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân tỉnh Đắk Lắk)

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
I	THỊ TRẤN LIÊN SƠN			
1	Nguyễn Tất Thành	Giáp xã Bông Krang	Giáp đầu đường Nguyễn Đình Chiểu	600,000
		Giáp đầu đường Nguyễn Đình Chiểu	Cổng chính trụ sở Công an huyện	1,200,000
		Cổng chính trụ sở Công an huyện	Đầu đường Võ Thị Sáu	1,200,000
		Đầu đường Võ Thị Sáu	Đầu đường Nguyễn Trung Trực	2,000,000
		Đầu đường Nguyễn Trung Trực	Đầu đường Y Jút	2,700,000
		Đầu đường Y Jút	Đầu đường Lê Quý Đôn	1,700,000
		Đầu đường Lê Quý Đôn	Giáp xã Đắk liêng	1,300,000
2	Nơ Trang Long	Đầu Nơ Trang Long	Cuối Nơ Trang Long	2,000,000
3	Âu Cơ	Nơ Trang Long	Hết Khu nhà nghỉ du lịch	800,000
4	Nguyễn Thị Minh Khai	Nơ Trang Long	Hùng Vương	1,000,000
5	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành	Hồ Lắk	300,000
6	Tô Hiệu	Nguyễn Tất Thành	Cổng chính Nghĩa địa	200,000
7	Phạm Ngọc Thạch	Nguyễn Tất Thành	Cổng chính Trạm khí tượng thủy văn	500,000
8	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Tất Thành	Đầu Đập Buôn Đông Kriêng	400,000
		Đầu Đập Buôn Đông Kriêng	Đầu Đập Hóc Môn	100,000

9	Chu Văn An	Giáp Nơ Trang Gưh	Hết đường	250,000
10	Nơ Trang Gưh	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	500,000
11	Võ Thị Sáu	Giáp Nguyễn Tất Thành	Hết đường	400,000
12	Nguyễn Du	Nguyễn Tất Thành	Giáp Nơ Trang Long	1,000,000
13	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Giáp Nơ Trang Long	1,000,000
14	Hồ Xuân Hương	Đầu đường Hồ Xuân Hương	Hết đường	400,000
15	Hùng Vương	Tôn Thất Tùng	Đường Âu cơ	800,000
16	Trần Phú	Tôn Thất Tùng	Nguyễn Thị Minh Khai	700,000
17	Y Ngông	Đường Âu cơ	Y Jút	700,000
18	Tôn Thất Tùng	Nơ Trang Long	Y Ngông	1,500,000
19	Âu Cơ	Đầu đường Nguyễn Huệ	Đến giáp Y Ngông	400,000
20	Nguyễn Văn Trỗi	Nơ Trang Long	Hùng Vương	1,000,000
21	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Tất Thành	Bà Triệu	800,000
22	Lạc Long Quân	Tôn Thất Tùng	Hai Bà Trưng	800,000
23	Lê Hồng Phong	Tôn Thất Tùng	Y Jút	800,000
24	Khu dân cư Hợp thành	Giáp Chợ Thị trấn Liên sơn	Hết vườn nhà cô Xuyên	400,000
25	Đường liên cư thuộc khu dân cư Hợp thành (sau trường Nguyễn trãi)			400,000
26	Y Jút	Nguyễn Tất Thành	Hết Buôn Jun	1,000,000
27	Lê Quý Đôn	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Trãi	200,000
28	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành	Hết vườn nhà ông Hệ	600,000
		Hết vườn nhà ông Hệ	Giáp Buôn Yuk La, Đăk liêng	450,000
29	Lê Lai	Nguyễn Tất Thành	Lý Thường Kiệt	1,500,000
30	Trần Bình Trọng	Lý Thường Kiệt	Giáp Đình Tiên Hoàng	500,000
31	Đình Tiên Hoàng	Giáp Lý Thường Kiệt	Giáp Trần Bình Trọng	500,000
		Giáp Trần Bình Trọng	Hết đường	200,000
32	Điện Biên Phủ	Giáp Lý Thường Kiệt	Giáp xã Đăk liêng	300,000
33	Đình Núp(Đường đi buôn Mliêng)	Giáp Nguyễn Tất Thành	Cánh đồng buôn Mliêng(Đập tràn qua đường)	500,000
34	Bà triệu	Giáp Ng Tất Thành (Đối diện nhà VH TT)	Hết khu dân cư	500,000
35	Ngô Quyền	Giáp Nguyễn Tất Thành	Giao nhau với đường Y Ngông	500,000
36	Hai Bà Trưng	Giáp Nguyễn Tất Thành	Giao nhau với đường Lê Hồng Phong	800,000
37	Nguyễn Công Trứ	Giáp Ng Tất Thành (Cổng thôn văn hóa)	Vào khu dân cư thôn hòa thắng	400,000
38	Đường Lương Thế Vinh	Giáp Nguyễn Tất Thành	Giao nhau với đường Nguyễn Đình Chiểu	200,000

39	Các con đường còn lại			150,000
40	Khu dân cư còn lại			100,000
II	Xã Giang Tao			
1	Quốc lộ 27	Giáp Krông Bông	Chân đèo xã Giang tao (Km 36+400)	60,000
		Chân đèo xã Giang tao (Km 36+400)	Ngã ba đường đi buôn Dơng Guôl	200,000
		Ngã ba đường đi buôn Dơng Guôl	Giáp xã Bông Krang	300,000
2	Đường đi Buôn Rung	Ngã 3 Quốc lộ 27	Hết buôn Drung	100,000
3	Đường đi Buôn Năm Pă	Ngã 3 Quốc lộ 27	Hết buôn Năm Pă	60,000
4	Đường đi lò gạch	Ngã 3 buôn Yok Đuôn	Hết khu lò gạch	50,000
5	Đường đi Buôn Yôk Đuôn (sau UB)	Ngã 3 Quốc lộ 27	Đến Trạm Bơm	60,000
6	Khu dân cư còn lại			20,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			40,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			30,000
III	Xã Bông Krang			
1	Quốc lộ 27	Đầu cầu Đăk Pok (giáp Giang tao)	Cổng bản Bông Krang	200,000
		Từ cổng bản Bông Krang	Hết khu dân cư thôn sân bay	600,000
		Hết khu dân cư thôn sân bay	Cổng bản (đầu Buôn Mạ)	150,000
		Cổng bản (đầu Buôn Mạ)	Giáp Thị trấn Liên Sơn	300,000
2	Đường đi buôn Daju, Hăng Ja	Ngã 3 Trạm bơm buôn Mạ	Ngã 3 Buôn Đăk Ju	150,000
		Ngã 3 Buôn Da Ju	Hết buôn Hăng Ja	100,000
3	Khu dân cư còn lại			30,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			70,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			50,000
IV	Xã Đăk Liêng			
1	Quốc lộ 27	Giáp Thị trấn Liên Sơn	Km 48	1,200,000
		Km 48	Ngã 3 buôn Dren A	700,000
		Ngã 3 buôn Dren A	Km 50	800,000

		Km 50	Giáp xã Đăk nuê	300,000
2	Tỉnh lộ 687	Ngã 3 Quốc lộ 27	+200m (tỉnh lộ 687)	1,000,000
		+200m (tỉnh lộ 687)	Cổng Buôn Juk	900,000
		Cổng Buôn Juk	Đầu cầu Quảng trạch	500,000
		Đầu cầu Quảng trạch	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Vượt	600,000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Vượt	Giáp xã buôn Tría	250,000
3	Đường đi buôn Juk La	Giáp Thôn Đoàn Kết Liên Sơn	Cổng Yuk La 1	450,000
		Cổng Yuk La I	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Y Lich Kuan	100,000
4	Đường đi xã Đăk phơi	Ngã 3 Quốc lộ 27	Giáp xã Đăk phơi	200,000
5	Khu dân cư còn lại			40,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			80,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			60,000
V	Xã Buôn Tría			
1	Tỉnh lộ 687	Giáp xã Đăk Liêng	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Nung (Liên kết 1)	200,000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Nung (Liên kết 1)	Giáp Buôn Triết	300,000
2	Khu dân cư còn lại			30,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			80,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			60,000
VI	Xã Buôn Triết			
1	Tỉnh lộ 687	Giáp xã Buôn Tría	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Thứ - thôn Đoàn kết 1	200,000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Thứ - thôn Đoàn kết 1	Cổng trạm y tế - Đoàn kết 2	250,000
		Cổng trạm y tế - Đoàn kết 2	Ngã 3 đường đi buôn Ung Rung	300,000
		Ngã 3 đường đi buôn Ung Rung	Ngã 3 thôn Đồng Tâm	150,000
		Ngã 3 thôn Đồng Tâm	Chân đập buôn Triết	100,000
2	Đường đi Mê Linh, Bến đò	Ngã 3 tỉnh lộ 687	Cổng Bà Đắc	250,000
		Cổng Bà Đắc	Hết Mê Linh 2	200,000
		Hết Mê Linh 2	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Vở - Mê Linh 1	150,000

		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Võ - Mê Linh 1	Bến đò	100,000
3	Đường thôn Đoàn kết 1	Tỉnh lộ 687	Xóm Đoàn kết 1	100,000
4	Đường thôn Mê Linh 2	Cổng chính trường Nguyễn Bình Khiêm	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Điền - Mê linh 1	70,000
5	Đường đi Buôn Tung 3	Từ ngã 3 đi bến đò	Buôn Tung 3	50,000
6	Khu dân cư còn lại			25,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			50,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			40,000
VII	Xã Đắk phoi			
1	Đường đi Đắk phoi	Giáp xã Đắk liêng	Ngã 3 buôn Chiêng Cao	150,000
		Ngã 3 buôn Chiêng Cao	Ngã 3 Đài tưởng niệm	250,000
2	Đường đi buôn Năm, buôn Đung, Buôn Tơ Lông	Ngã 3 Đài tưởng niệm	Hết buôn Năm, buôn Đung, Buôn Tơ Lông	100,000
3	Đường đi buôn Du Mah	Ngã 3 Đài tưởng niệm	Hết buôn Du Mah	100,000
4	Đường đi buôn Chiêng Cao	Ngã 3 đường trục chính	Hết buôn Chiêng cao	100,000
5	Đường đi xã Đắk Nuê	Ngã 3 đường trục chính	Giáp xã Đắk nuê	100,000
6	Đường buôn T'long đi thôn Cao bằng	Cuối buôn T'long	Hết thôn Cao bằng	100,000
7	Đường Đắk Liêng đi Đắk Phoi	Giáp Yut La- xã Đắk Liêng	Ngã 3 Đắk Hoa	100,000
8	Khu dân cư còn lại			20,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			40,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			30,000
VIII	Xã Đắk Nuê			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Đắk Liêng	Ngã ba đường đi Buôn Triết	500,000
		Ngã ba đường đi Buôn Triết	Đầu cầu buôn Mih	400,000
		Đầu cầu buôn Mih	Hết Buôn Kdiê	150,000
		Hết Buôn Kdiê	Giáp xã Krông Nô	100,000
2	Đường đi Yên thành 1	Ngã 3 Quốc lộ 27	Đầu cầu Yên thành 1	80,000
		Đầu cầu Yên thành 1	Hết Yên thành 1	60,000
3	Đường đi Yên thành 2	Ngã 3 Quốc lộ 27	Đầu cầu Yên thành 2	80,000
		Đầu cầu Yên thành 2	Hết Yên thành 2	60,000
4	Đường Liên xã	Ngã 3 Quốc lộ 27	Cổng chính trường học buôn Dham 1	200,000

		Ngã 3 Quốc lộ 27(Nhà ông Dũng Chi)	Cổng chính trường học buôn Dham 1	150,000
5	Khu dân cư còn lại			25,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			80,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			60,000
IX	Xã Krông Nô			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Nam Ka	Suối Đắk Diêng sâu	100,000
		Suối Đắk Diêng sâu	Điểm cuối cửa hàng xăng dầu (C.Ty Nam Tây Nguyên)	300,000
		Điểm cuối cửa hàng xăng dầu (C.Ty Nam Tây Nguyên)	Đầu cầu Krông Nô	1,200,000
2	Đường đi buôn Trang Yuk	Ngã 3 Quốc lộ 27	Cổng bản buôn Phi Dih Ja	400,000
		Cổng bản buôn Phi Dih Ja	Cầu Đắk Mei	200,000
3	Khu dân cư còn lại			20,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			60,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			40,000
X	Xã Ea Rbin			
1	Đường đi buôn Plao Siêng	Trụ sở UBND xã	Hết buôn Plao Siêng	100,000
2	Đường TL mới mở	Giáp xã Nam Ka	Cổng chính trụ sở UBND xã	100,000
3	Đường đi buôn Lách Ló	Ngã 3 buôn Lan Thái	Hết buôn Sa Puôk	100,000
4	Khu dân cư còn lại			40,000
XI	Xã Nam Ka			
1	Đường liên thôn	Đèo Nam Ka	Bến đò	200,000
2	Đường liên thôn	Ngã 3 trạm y tế xã Nam Ka	Đầu cầu Tua Srah	200,000
		Đầu cầu Tua srah	Giáp xã EaRbin	60,000
3	Khu dân cư còn lại			15,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			60,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			40,000

BẢNG SỐ 14: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN M'DRẮK NĂM 2010

(Kèm theo Quyết định số: 42/2009/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk

Lắc)

TT	TÊN ĐƯỜNG			Mức giá
		Từ	Đến	
I	Thị trấn M'Drắk			
1	Nguyễn Tất Thành (QL 26)	Km 63 + 700 (Cầu Y Thun)	Km 64 + 700 (Ngã 3 đường B. Phao)	750,000
		Km 64 + 700 (Ngã 3 đường B. Phao)	Km 65 +200 (Giáp ranh trường Mầm non)	900,000
		Km 65 +200 (Giáp ranh trường Mầm non)	km 65 +500 (Hết ranh giới đất trường Kim Đồng)	1,200,000
		km 65 +500 (Hết ranh giới đất trường Kim Đồng)	km 65 + 680 (Hết ranh giới đất Bảo hiểm xã hội)	1,750,000
		Km 65 + 680 (Hết ranh giới đất Bảo hiểm xã hội)	Km 65 +760 (Cầu Ông Tri)	1,200,000
		Km 65 +760 (Cầu Ông Tri)	km 66 + 250 (Hết ranh giới đất nhà ở Ông Sơn C.An)	1,050,000
		Km 66 + 250 (Hết ranh giới đất nhà ở Ông Sơn C.An)	Km 66+300 (Giáp ranh xã Krông Jing)	750,000
2	Bà Triệu (Ông Hai Thệ)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Trần Hưng Đạo	350,000
		Trần Hưng Đạo	Quang Trung	300,000
3	Hùng Vương (Từ nhà ông Phú trở về hướng nam đến cuối đường)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km0+ 150(Giáp ranh giới đất nhà ông Tám Tròn)	350,000
		Km0+ 150 (giáp đất nhà ông Tám Tròn)	Phan Bội Châu	250,000
4	Tôn Thất Tùng .	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 110 (Hội trường khối 7)	350,000
		Từ Km 0 + 110(Hội trường Khối 7)	Giáp đường Phan Bội Châu	250,000
5	Trần Phú (Nhà Ông Long)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	350,000
6	Hùng Vương phía trên chợ M'drắk	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	400,000
7	Ngô Quyền (về 2 phía QL 26)	Km0	Km0+200(Hết ranh giới đất nhà ông Tuyển và Phía nam	250,000
			Giáp đường Phan Bội Châu)	
		Km0+200	Km0+400	160,000

		Km0+400 trở đi	Hết đường	100,000
8	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành (Tòa án)	Giáp đường Phan Bội Châu	300,000
		Phan Bội Châu	Hội trường khối 11	150,000
		Km0+400 trở đi	Hết đường	100,000
9	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Tất Thành (Nhà Ông Thơm)	Km0+200(hết đất nhà bà Cư)	200,000
		Km0+200 (hết đất nhà bà Cư)	Km0+400	100,000
		Km0+400 trở đi	Hết đường	60,000
10	Nguyễn Trãi	Nguyễn Tất Thành (nhà Ông Chinh)	Giáp đường Phan Bội Châu	250,000
		Phan Bội Châu	Km0+200(hết đất nhà Bà Tĩnh)	150,000
		Km0+200 trở đi	Hết đường	100,000
11	An Dương Vương (Đài TT-TH)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km0+200(Giáp đường Hoàng Diệu)	300,000
12	Đường Hoàng Diệu về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	300,000
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đến đường trục dọc sau trạm Thú y	300,000
		Đường trục dọc sau trạm Thú y	Đến đường Phan Bội Châu	200,000
13	Giải phóng	Nhà Ông Sơn (Công An) , tại Km0	Giáp đường Phan Bội Châu	350,000
14	Các trục đường ngang không thông ra đường Nguyễn Tất Thành (QL 26)	Km 0	Km0+200	100,000
		Km0+200	Km0+400	60,000
15	Trục dọc song song (sau trạm điện)	Lý Thường Kiệt	Giáp đường Ngô Quyền	150,000
16	Lê Duẩn	Từ Đường vào Huyện đội	Giáp đường Nguyễn Trãi	250,000
17	Đường vào Huyện đội	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Giáp đường Phan Bội Châu	300,000
18	Đường trục dọc khu quy hoạch XN gỗ	Đường Hoàng Diệu	Hết hết đường (Sau Trạm Thú Y)	200,000
19	Các trục đường ngang tại khu vực XN gỗ	Từ đường trục dọc sau trạm Thú y	Đến đường trước Trường THCS Hùng Vương	200,000
20	Các đường ngang còn lại thông ra (QL26)	Đường Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km0+200	200,000
		Km0+200	Km0+400	100,000
		Km0+400	Hết đường	60,000
21	Các hẻm ngang thông ra đường (QL 26)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km0+200	150,000

		Km0+200 trở đi		60,000
22	Bùi thị Xuân (đi B.Phao)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cầu Buôn Phao	200,000
		Cầu Buôn Phao	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	90,000
23	Quang Trung	Nhà Ông Vĩnh (Khối 1)	Trần Hưng Đạo	250,000
24	Trần Hưng Đạo(sau chợ Thị trấn)	Quang Trung	Nhà Ông Khâm (Hết đường)	200,000
25	Phân Bội Châu	Giải phóng	Giáp đường Ngô Quyền	250,000
26	Các đường dọc còn lại trong Thị trấn			100,000
27	Các hẻm dọc trong khu nội thị			60,000
28	Đường ngang dưới khu chợ M'drăk	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km0 +100 (Giáp đường Trần Hưng Đạo)	400,000
29	Ki ốt chợ	Các lô chợ lồng và 16m2		600,000
		Các lô 24m2		400,000
30	Khu dân cư nội thị	Khu dân cư tổ 3 & tổ 4		30,000
		Khu dân cư còn lại		50,000
II Xã Ea Trang				
1	Quốc lộ 26	Km30 giáp địa giới tỉnh Khánh hoà	Km 34 + 500 Trạm Phúc kiểm Lâm sản số 1	20,000
		Km 34 + 500 Trạm Phúc kiểm Lâm sản số 1	Km 40 (Hết ranh giới đất Nhà ông Lưu Tấn Minh B. Hạp)	30,000
		Km 40 (Hết ranh giới đất Nhà ông Lưu Tấn Minh B. Hạp)	Km43 + 300 (Đường vào B. Ea Pra)	45,000
		Km43 + 300 (Đường vào Buôn Ea Pra)	Km 50 + 500 (Giáp địa giới xã Cư M'Ta)	40,000
2	Đường vào Ea Krông	Km0 (Từ đài tưởng niệm)	Km0 +500	25,000
		Km0 +500	Hết buôn Ea Boa	20,000
3	Các khu dân cư còn lại			16,000
III Xã Cư M'Ta				
1	Quốc lộ 26	Km50 + 500 giáp xã Ea Trang	Km56 + 400 đèo M'drăk (Đường Bít cũ)	60,000
		Km56 + 400 đèo M'drăk (Đường Bít cũ)	Km 59 + 400 (Hết ranh giới đất nhà Ông Hồng thôn 19)	90,000
		Km 59 + 400 (Hết ranh giới đất nhà ông Hồng thôn 19)	Km 61 +400 (Hết Buôn Năng)	150,000
		Km 61 +400 (Hết Buôn Năng)	Km 62 +100 (Hết ranh giới đất nhà Bà Tiềm Buôn 2)	360,000
		Km 62 +100 (Hết ranh giới đất nhà Bà Tiềm Buôn 2)	Km 62 +650 (Hết ranh giới đất Trạm Thuỷ văn)	540,000

		Km 62 +650 (Hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	Km 63 +700 (ranh giới Thị trấn)	650,000
2	Các trục ngang cắt QL 26	Trục đường đi xã Cư Kroá, từ Km 0	Km 1 giáp ranh xã Cư Kroá	60,000
		Các trục thôn Tân Lập Km0	Km0 + 200	60,000
		Các trục còn lại Km0	Km0 + 200	36,000
		Từ Km0 + 200 trở đi		20,000
3	Đường Bùi thị Xuân (đi B.Phao)	Cầu Buôn Phao	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	90,000
4	Đường B. Phao đi Thôn 1 Quyết thắng	Từ ngã 3 Buôn Phao(nhà ông Ma Nghen)	Đến hết ranh giới đất nhà ông Nga Thôn 1	30,000
5	Khu dân cư còn lại			20,000
IV Xã Krông Jing				
1	Quốc lộ 26	Km 66+ 300	Km 66+500 (Hết ranh giới đất UBKHHGĐ)	750,000
		KM 66+500 (Hết ranh giới đất UBKHHGĐ)	KM 66 + 850 (Hết ranh giới đất Lâm trường)	500,000
		KM 66 + 850 (Hết ranh giới đất Lâm trường)	KM 67 + 800 (Hết khu dân cư Buôn Aê Lai)	375,000
		KM 67 + 800 (Hết khu dân cư Buôn Aê Lai)	KM 69 + 500 (Qua trại bò huyện)	250,000
		KM 69 + 500 (Qua trại bò huyện)	Suối Ea Tê	110,000
		Suối Ea Tê	Km 76 + 650 (Giáp ranh Ea Pil)	180,000
2	Đường đi 715	KM0 (Nhà ông Tiến Thảo)	Km0 + 600 (Cầu Buôn Mlók)	500,000
		Km0 + 600 (Cầu Buôn Mlók)	Km 3 + 500 (B. Choăh đường đi xã Ea Lai)	225,000
		Km 3+ 500 (B. Choăh đường đi xã Ea Lai)	Kn 4 + 900 (Giáp ranh xã Ea Riêng)	160,000
3	Các trục ngang đường 715	Km0 (Buôn M'Lók)	Hết đất khu dân cư Buôn Hoang	120,000
		Từ hết đất khu dân cư Buôn Hoang	Ngầm 4 giáp ranh xã Ea Lai	60,000
		Km 0 (Buôn Choăh)	Hết đất Nhà ông Minh giáp ranh xã Ea Lai	100,000
		Km 0 (Buôn M'Găm)	Giáp ranh thị trấn	150,000
4	Đường đi xã Krông Á	Km0(QL 26)	Km 0+ 300(đường bao Thị trấn QH)	250,000
		Km 0+ 300(đường bao Thị trấn QH)	Km 0+ 600(giáp đất nhà ông Cứu B. trung)	180,000
		Km 0+ 600	Giáp ranh giới xã Krông Á	80,000
5	Đường vào Trường. Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 26	Hết đường	120,000

6	Dãy 2 khu quy hoạch trung tâm xã và	dãy 2 quy hoạch đường vào Trường Trần Hưng Đạo		50,000
7	Dãy 2 khu quy hoạch trại bò huyện			100,000
8	Khu dân cư còn lại			20,000
V Xã Ea Pil				
1	Quốc lộ 26	KM 76 + 650 (Giáp ranh xã Krông Jing)	Km 78.	250,000
		Km 78.	Km 79 + 200 (Hết ranh giới đất nhà ông Quang) thôn 9	150,000
		Km 79 + 200 (Hết ranh giới đất nhà ông Quang) thôn 9	Km 80 + 600 (Hết ranh giới đất nhà ông Bàn thôn 2)	350,000
		Km 80 + 600 (Hết ranh giới đất nhà ông Bàn thôn 2)	Km 81 + 50 (Hết ranh giới đất Bà Hiền Ngụ)	300,000
		Km 81 + 50 (Hết ranh giới đất Bà Hiền Ngụ)	Nhà bà Dự (Đường vào nghĩa địa)	400,000
		Nhà bà Dự (Đường vào nghĩa địa)	Km 84 (Giáp ranh xã Ea Tý - Huyện Ea Kar)	250,000
2	Trục ngang từ QL 26 đi thôn 8	Km 0	Km 0 + 300	150,000
		Km 0 + 300	Km 0 + 600 trở đi	75,000
		Từ Km 0 + 600 trở đi		30,000
3	Các trục ngang nối từ QL 26 về 2 phía thuộc thôn 2; 9	(tại Km 73 + 800 về 02 phía) Km 0	Km 0 + 300	90,000
		Km 0 + 300	Km 0 + 600	60,000
4	Đường đi xã Cư Prao	Từ Km 76 + 800 (QL 26)	Giáp xã Cư Prao	75,000
	Các trục ngang còn lại nối từ QL 26 về 2 phía thuộc thôn 3; 4; 10	Km 0	Km 0 + 300	75,000
6	Các khu dân cư còn lại			20,000
VI Xã Krông Á				
1	Đường giao thông chính	Tuyến đường đi từ giáp ranh xã Krông Jing	Hết ranh giới đất nhà bà Nguyễn (thôn 3)	100,000
		Ngã 3 đường đi thôn 4	Ngã ba thôn 3 (nhà ông An) + 200	120,000
		Ngã ba thôn 3 (nhà ông An) + 200	Giáp ranh giới xã Cư San	60,000
		Ngã ba nhà ông Tuấn Hòa vào Trung Nguyên	Hết ranh giới đất nhà ông Tồn thôn 1	60,000

		Hết ranh giới đất nhà ông Tôn thôn 1	Đường đi thôn 1, tới ngã ba nhà ông An	80,000
		Hết ranh giới đất nhà bà Nguyễn	Hết ranh giới đất nhà ông Cẩm	100,000
		Hết ranh giới đất nhà ông Cẩm	Hết ranh giới đất nhà bà Đang	80,000
2	Đường liên thôn	Ngã 3 nhà ông Tôn thôn 1	Đập Krông Á1	30,000
3	Khu dân cư còn lại			20,000
VII Xã Cư Kroá				
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh với xã Cư Mta	Ngầm (Gần nhà ông Đình Vũ Đang)	60,000
		Ngầm (Gần nhà ông Đình Vũ Đang)	Giáp ranh xã Ea Riêng	50,000
	Quốc lộ 26	Km50 + 500 giáp xá Ea Trang	Km56 + 400 đèo M'drắk (Đường Bít cũ)	60,000
2	Khu dân cư còn lại			16,000
VIII Xã Ea Riêng				
1	Đường 715 (Đường LTL 13)	Km 4 + 900 (Giáp ranh với xã Krông Jing	KM 11 + 50 (UBND xã)	160,000
		Km 11+ 50 (UBND xã)	Km 13 + 600 (Ngã ba kho chế biến NT 715A + 100)	320,000
		Km 13 + 600 (Ngã ba kho chế biến NT 715A + 100)	Km14 + 500 (Qua Phòng khám bệnh viện 100m)	160,000
		Km14 + 500 (Qua Phòng khám bệnh viện 100m)	Ranh giới xã Ea Mđoan	50,000
2	Đường đi xã EaM'Lây	Km 0 (Ngã 3 kho chế biến) thôn 17	Hết ranh giới đất nhà Anh Chiến Lâm	160,000
		Hết đất nhà Anh Chiến Lâm	Fiáp ranh xã Ea M'lây	60,000
3	Đường đi xã Cư Mta	Km 0 (Trạm biến áp)	Giáp ranh giới xã Cư Mta	90,000
4	Đường đi xã Cư Kroá	UBND xã	Giáp ranh xã Cư Kroá	60,000
5	Các trục đường ngang còn lại từ giáp ranh giới xã Krông Jin đến xã Ea Mdoal	Km 0 (Tiếp giáp đường LTL 13)	Km 0 + 300	45,000
6	Dãy2 quy hoạch dân cư thôn 9			80,000
7	Khu dân cư còn lại			20,000
IX Xã Ea M'lây				
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	Tại ngã ba có đường xuống đập 36	90,000
		Tại ngã ba có đường xuống đập 36	Cách Đất nhà ông Lưu Minh Oai 100 m	60,000
		Cách Đất nhà ông Lưu Minh Oai 100 m	hết đất nhà ông Lưu Minh Thu (Thôn 5)	100,000

		Từ hết đất nhà ông Lưu Minh Thu (Thôn 5)	Ranh giới xã Cư Prao (đường Buôn pa cũ)	60,000
		Dốc đỏ (giáp ranh xã Ea Lai)	Thôn 10 (Đường đi Buôn pa cũ)	50,000
		Ngã 3 Công ty 715 B	Ngã 3 nhà ông Khai	60,000
2	Đường liên xã	Giáp thôn 6 xã Ea Riêng	Ngã 3 thôn 4	35,000
3	Khu dân cư còn lại			20,000
X	Xã Ea Mđoal			
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	Cổng NT 715 C	50,000
		Cổng NT 715 C	Trạm Y tế	90,000
		Trạm Y tế	Cổng hội trường thôn 8	50,000
		Cổng hội trường thôn 8	Giáp ranh xã Sông hình (Phú Yên)	35,000
2	Khu dân cư còn lại			16,000
XI	Xã Ea Lai			
1	Xã Ea Lai	Giáp ranh xã Krông Jing nhà ông Huệ	UBND xã Ea Lai + 500m	140,000
	Đường chính đi Ea M'lay	UBND xã Ea Lai + 500m	Dốc đá (Thôn 5)	100,000
		Dốc đá (Thôn 5)	Giáp ranh xã Ea M'lay (dốc đỏ thôn 5)	120,000
2	Đường liên xã	Ngã ba (quán bà Lý thôn 6)	Giáp ranh tỉnh lộ 13 (Đường đi xã Cư Prao)	80,000
3	Tỉnh lộ 13	Ngã số 4 (Suối Ea Pa)	Hết đất nhà Ông Quang (Bé)	80,000
		Hết ranh giới đất nhà Ông Quang Bé	Ngã số 5 (Suối Ea Kô) giáp ranh giới xã Cư Prao	60,000
4	Đường liên thôn (Thôn 1 đi thôn 7)	Ngã 3 nhà anh Hải	Đến hết thôn 7	30,000
5	Đường liên thôn (Thôn 6 đi thôn 11)	Ngã 3 Trạm Y tế	Đến hết thôn 11	30,000
6	Đường liên thôn (Thôn 1 đi Ea Riêng)	Ngã 3 nhà anh Thông	Giáp thôn 2 xã Ea Riêng	30,000
7	Khu dân cư còn lại			20,000
XII	Xã Cư Prao			
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh giới xã Ea Lai	Giáp ranh giới đất Nhà bà Nhiên Siêu (thôn 5)	40,000
		Giáp ranh giới đất Nhà bà Nhiên Siêu (thôn 5)	Giáp khu trung tâm cụm xã (Giáp đầu đường bao Quy hoạch khu trung tâm)	60,000
		Trung tâm cụm xã (Ngã ba nhà ông Toàn)	Giáp ranh xã Ea Pil (Suối Krông Jing)	50,000
2	Trung khu trung tâm cụm xã			150,000

3	Các trục đi thôn 10, thôn 7	Giáp đường bao trung tâm cụm xã	600m	60,000
		Từ 600m trở đi		25,000
4	Trục đường đi Buôn Ba	Giáp đường bao trung tâm cụm xã	Ngầm ông Ba Long	60,000
		Ngầm ông Ba Long	Thôn 1	40,000
5	Đường khu vực Buôn Pa	Giáp ranh giới xã Ea M'Lây (Đường B.pa cũ)	Cầu Đắc Phú	25,000
		Cầu Đắc Phú	Ranh giới Ea Bá - H. Sông Hinh - Phú Yên	75,000
6	Đường mới khu tái định cư Buôn Zô	Từ ngã 3 nhà anh Thành (Khang)	Giáp đường Buôn Pa cũ	40,000
7	Khu dân cư còn lại			20,000
XIII	Xã Cư San			
1	Đường giao thông chính từ Krông Á vào	Từ Cầu vào thôn 11	Hết đường nhựa thôn 9	40,000
		Cầu bắt đi vào thôn 8	Hết ranh giới đất Nhà Dững (Hằng) +50m	80,000
		Ngã ba đường lớn vào xã	Hết ranh giới đất Nhà ông Lừ sửa xe máy +200	80,000
		Nhà Bà Việt	Trụ sở UBND xã +100	80,000
2	Khu dân cư còn lại			16,000

BẢNG SỐ 15: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ KUIN NĂM 2010
 (Kèm theo Quyết định số: 42 /2009/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
I	Xã Ea Tiêu			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'Ram (giáp tp. Buôn Ma Thuột)	Ngã 3 đường vào UBND xã	1,000,000
		Ngã 3 đường vào UBND xã	Đầu thôn 8	1,500,000

		Đầu thôn 8	Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	2,000,000
		Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	Ngã 4 đối diện quán cà phê Mimosa	2,500,000
		Ngã 4 đối diện quán cà phê Mimosa	Ngã 3 đường vào thôn 2 (cách đường vào Giáo xứ Vinh Hòa 480m)	2,000,000
		Ngã 3 đường vào thôn 2 (cách đường vào Giáo xứ Vinh Hòa 480m)	Cổng chào thôn 2	1,500,000
		Cổng chào thôn 2	Cổng đối diện cổng chào thôn 8 (xã Ea Bhốk)	1,000,000
		Cổng đối diện cổng chào thôn 8 (xã Ea Bhốk)	Trường tiểu học Kim Đồng	2,000,000
		Trường tiểu học Kim Đồng	Giáp xã Dray Bằng	1,000,000
	Khu vực chợ Trung Hòa	Các đường bên trong và giáp chợ Trung Hòa		2,500,000
2	Đường liên thôn	Ngã 3 Quốc lộ 27 (chợ buôn Kram)	Ngã 3 đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	700,000
		Ngã 3 đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	Kênh thủy lợi (cổng chào thôn 7)	500,000
		Kênh thủy lợi (cổng chào thôn 7)	Hết thôn 6	400,000
		Hết thôn 6	Ngã 3 buôn Tiêu	300,000
3	Đường dọc kênh thủy lợi	Cách ngã 4 Quốc lộ 27 - 300m	Cổng chào thôn 7	150,000
4	Đường liên xã	Ngã 3 Quốc lộ 27	Cổng chào buôn Kram	600,000
		Cổng chào buôn Kram	Ngã ba đường vào bãi bắn	500,000
		Ngã ba đường vào bãi bắn	Ngã 3 buôn Tiêu	300,000
		Ngã 3 buôn Tiêu	Hồ cạnh Nông trường Ea Tiêu	200,000
		Hồ cạnh Nông trường Ea Tiêu	Cổng chào thôn 11	150,000
		Cổng chào thôn 11	Ngã 3 đường đi xã Ea Kao - tp BMT	100,000
5	Đường liên xã	Ngã 3 Quốc lộ 27	Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX	1,500,000
		Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX	Đầu buôn Ciết	700,000
		Đầu buôn Ciết	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	500,000

		Ngã tư đầu đường nhựa buôn Ciết	Hết đường nhựa	300,000
6	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			300,000
7	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 3, 7, 6, 1, 4, 5, 8, 9, 12, 2, buôn Ciết, buôn Kram và buôn Luk		120,000
		Các thôn, buôn còn lại		60,000
II	Xã Ea Ktur			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'Ram (giáp tp. Buôn Ma Thuột)	Ngã 3 đường vào Công ty Ea Sim	1,000,000
		Ngã 3 đường vào Công ty Ea Sim	Ngã 3 đường vào Thôn 1 (giáp nhà số 3, thôn 1, xã Ea Ktur)	1,500,000
		Ngã 3 đường vào Thôn 1 (giáp nhà số 3, thôn 1, xã Ea Ktur)	Ngã 3 đường vào Thôn 1 (giáp cửa hàng Tổng công ty Viễn thông quân đội - Viettel)	2,000,000
		Ngã 3 đường vào Thôn 1 (giáp cửa hàng Tổng công ty Viễn thông quân đội - Viettel)	Ngã tư đường vào thôn 2 (giáp quán Mimosa)	2,500,000
		Ngã tư đường vào thôn 2 (giáp quán Mimosa)	Ngã 3 đường vào thôn 2 (Đường vào quán Đồng Quê)	2,000,000
		Ngã 3 đường vào thôn 2 (Đường vào quán Đồng Quê)	Ngã 3 đầu cuối thôn 2, đầu thôn 5	1,500,000
		Ngã 3 đầu cuối thôn 2, đầu thôn 5	Giáp xã Ea Bhook	1,000,000
2	Đường liên xã	Ngã 3 Quốc lộ 27	Hết khu dân cư thôn 10 (Cách Quốc lộ 27 - 450m)	800,000
		Hết khu dân cư thôn 10 (Cách Quốc lộ 27 - 450m)	Đập Ea Sim	500,000
		Đập Ea Sim	Cổng chào thôn 15	200,000
		Cổng chào thôn 15	Đập Việt Đức 4 (giáp xã Ea Ning)	500,000
		Ngã 3 buôn Blei Năm	Giáp xã Hòa Đông	400,000
3	Đường liên thôn	Ngã 3 Quốc lộ 27	Cổng Giáo xứ Vinh Hòa	2,000,000
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			300,000

5	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1 và thôn 2		200,000
		Thuộc các thôn: 3, 4, 7, 8, 10 và thôn 5		120,000
		Các thôn, buôn còn lại		60,000
III	Xã Ea Bhook			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Ktur	Cổng chào thôn 8	1,000,000
		Cổng chào thôn 8	Ngã 3 đối diện trường tiểu học Kim Đồng	1,500,000
		Ngã 3 đối diện trường tiểu học Kim Đồng	Ngã 3 Việt Đức 3	1,000,000
		Ngã 3 Việt Đức 3	Giáp xã Dray Bhang	1,500,000
2	Đường liên xã	Ngã 3 Quốc lộ 27	Ngã 3 đường đi buôn Puk Rông	700,000
		Ngã 3 đường đi buôn Puk Rông	Cầu giáp xã Ea Ning	600,000
		Ngã 3 đường đi buôn Puk Rông	Hết buôn Bhook - thôn 2	600,000
		Hết buôn Bhook - thôn 2	Cầu trắng	500,000
3	Đường liên xã	Ngã 4 Quốc lộ 27	Ngã 3 đường vào Nhà máy nước	700,000
		Ngã 3 đường vào Nhà máy nước	Ngã 3 buôn Ea Khít	500,000
		Ngã 3 buôn Ea Khít	Giáp xã Ea Hu	300,000
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			300,000
5	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 4		200,000
		Thuộc các thôn: 1, 8, buôn Ea Mta và buôn Ea Kmar		120,000
		Các thôn, buôn còn lại		60,000
IV	Xã Dray Bhang			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Tiêu	Đối diện ngã 3 Việt Đức 3	1,000,000
		Đối diện ngã 3 Việt Đức 3	Giáp xã Hòa Hiệp	1,500,000
2	Tỉnh lộ 10	Ngã 4 Quốc lộ 27	Đầu thôn lô 13	800,000
		Đầu thôn lô 13	Hết thôn lô 13	500,000
		Hết thôn lô 13	Giáp huyện Krông Ana	300,000
3	Đường liên thôn	Đường song song tỉnh lộ 10 (thuộc thôn lô 13)		300,000
4	Đường liên thôn	Ngã 3 Quốc lộ 27 (giáp chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	2,000,000
5	Đường liên thôn	Hết thôn Mới xã Hòa Hiệp	Đến buôn Hra Ning	120,000

6	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			300,000
7	Khu dân cư	Thuộc thôn Kim Châu		200,000
		Thuộc thôn Nam Hòa và Thôn lộ 13		120,000
		Các thôn, buôn còn lại		60,000
	Các đường phía Bắc tỉnh lộ 10 trong phạm vi quy hoạch trung tâm huyện lỵ Cư Kuin			
8	Đường CK2	Ngã 3 Quốc lộ 27	Cuối đường	700,000
9	Đường CK3	Ngã 3 Quốc lộ 27	Đường CK14	1,000,000
		Đường CK14	Cuối đường	700,000
10	Đường CK7	Ngã 3 tỉnh lộ 10	Đường CK2	700,000
11	Đường CK11	Quốc lộ 27	Tỉnh lộ 10	700,000
13	Đường CK14	Quốc lộ 27	Tỉnh lộ 10	1,000,000
14	Các đường còn lại			500,000
V	Xã Hòa Hiệp			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Dray Bhang	Ngã 3 đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	1,500,000
		Ngã 3 đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	Hết thôn Hiệp Tân	500,000
		Hết thôn Hiệp Tân	Giáp huyện Krông Bông	300,000
2	Đường liên xã	Ngã 3 Quốc lộ 27	Hết thôn Mới	400,000
3	Đường liên thôn	Ngã 3 Quốc lộ 27 (giáp chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	2,000,000
4	Các đường tuyến 2, tuyến 3 song song Quốc lộ 27, các đường nhánh từ Quốc lộ 27 đến hết đường tuyến 3 (thuộc thôn Kim Phát)			300,000
5	Chợ Hòa Hiệp	Các Kiốt trong chợ		2,000,000
6	Khu dân cư	Thuộc phần còn lại của thôn Kim Phát,		200,000
		Thuộc thôn Thành Công và Thôn Mới		120,000
		Các thôn, buôn còn lại		60,000
VI	Xã Ea Ning			
1	Đường liên xã	Đập Việt Đức 4	Hết Công ty cà phê Ea H'nin	2,000,000
		Hết Công ty cà phê Ea H'nin	Ngã tư sân bóng	700,000

		Ngã tư sân bóng	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 360m)	400,000
		Hết đoạn đường thẳng	Giáp xã Cư Êwi	250,000
		Ngã 3 chợ Việt Đức 4	Ngã ba cây xăng Đức Hoi	2,000,000
		Ngã ba cây xăng Đức Hoi	Ngã tư sân bóng	500,000
		Ngã ba cây xăng Đức Hoi	Ngã 3 cổng chào buôn Puk Rông	700,000
		Ngã 3 cổng chào buôn Puk Rông	Cầu giáp xã Ea Bhook	400,000
		Ngã 3 cổng chào buôn Puk Rông	Ngã 3 đường vào thôn 9 xã Ea Ning	400,000
		Ngã 3 đường vào thôn 9 xã Ea Ning	Hết tường rào công ty cà phê Chư Quỳnh	600,000
		Hết tường rào công ty cà phê Chư Quỳnh	Đường liên xã (gồm cả hai nhánh đường)	400,000
2	Đường liên xã	Cầu trắng	Cổng chào thôn 6	400,000
		Cổng chào thôn 6	Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	500,000
		Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	Giáp xã Cư Êwi	400,000
3	Khu dân cư	Thuộc thôn 8 và thôn 22		120,000
		Các thôn, buôn còn lại		60,000
VII Xã Cư Êwi				
1	Đường liên xã	Cầu chắn nuôi	Khu cánh đồng lúa thôn 1B	300,000
		Khu cánh đồng lúa thôn 1B	Giáp xã Ea Ning	200,000
3	Khu dân cư còn lại			60,000
VIII Xã Ea Hu				
1	Đường liên xã	Cầu trắng	Ngã 3 đối diện cổng chào thôn 6 xã Ea Ning	400,000
		Ngã 3 đối diện cổng chào thôn 6 xã Ea Ning	Hết chợ An Bình (hết đoạn đường nhựa)	500,000
		Hết chợ An Bình (hết đoạn đường nhựa)	Giáp xã Cư Êwi	400,000
		Hết chợ An Bình	Cổng thoát nước (Đầu chợ Ea Tur)	300,000
		Cổng thoát nước (Đầu chợ Ea Tur)	Chùa Từ Quang	400,000
		Chùa Từ Quang	Đầu điểm khu dân cư	300,000
		Đầu điểm khu dân cư	Cầu Thác đá	400,000
		Cầu Thác đá	Giáp xã Ea Bhook	300,000
		Ngã 3 đường liên xã	Hết chợ Ea Hu (Thuộc thôn 2)	300,000
4	Khu dân cư còn lại			60,000